

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TÓNG MINH LỢI

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH
CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TÓNG MINH LỢI

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH
CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số: 8.38.01.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. PHẠM VĂN TỈNH

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác. Các số liệu, trích dẫn được sử dụng trong luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực, có dẫn chiếu, tham chiếu đầy đủ nguồn theo quy định của một công trình khoa học. Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung công trình nghiên cứu của mình./.

MỤC LỤC

| | |
|--|-------------------------------------|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU | 8 |
| 1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu | 8 |
| 1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu | 11 |
| 1.3. Cơ chế tác động của nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu | 20 |
| 1.4. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu với tình hình các tội xâm phạm sở hữu, với nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu và phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu. | 22 |
| Chương 2: THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2013 - 2017 | 26 |
| 2.1. Thực trạng nhận thức làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai | 26 |
| 2.2. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013 – 2017 | 38 |
| 2.3. Thực trạng làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thông qua chủ thể phòng, chống tội phạm | 45 |
| Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP LOẠI TRỪ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI | Error! Bookmark not defined. |
| 3.1. Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong phòng ngừa tình hình tội phạm này | 48 |

| | |
|--|----|
| 3.2. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và vấn đề dự báo tình hình tội phạm này | 50 |
| 3.3. Giải quyết nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu và phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu | 52 |
| KẾT LUẬN | 64 |

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| | |
|---------|---------------------------|
| BLHS | : Bộ luật hình sự |
| BL TTHS | : Bộ luật tố tụng hình sự |
| CAND | : Công an nhân dân |
| TAND | : Tòa án nhân dân |
| THTP | : Tình hình tội phạm |
| VKSND | : Viện kiểm sát nhân dân |
| XPSH | : Xâm phạm sở hữu |

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Mức độ tổng quan của tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (2013 – 2017)

Bảng 2.2. Biểu đồ diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (2013 – 2017)

Bảng 2.3. Cơ sở tội phạm nói chung và tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (2013 – 2017)

Bảng 2.4. Cơ cấu của từng loại tội xâm phạm sở hữu trong mối quan hệ với tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (2013 – 2017)

Bảng 2.5. Diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (2013 – 2017) (so sánh định gốc)

Bảng 2.6. Cơ cấu về mức độ của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phân theo dân cư 11 đơn vị hành chính cấp huyện

Bảng 2.7. Cơ cấu về mức độ của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phân theo diện tích 11 đơn vị hành chính cấp huyện

Bảng 2.8. Cấp độ nguy hiểm của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013 – 2017 xét theo dân số và diện tích của 11 đơn vị hành chính cấp huyện

Bảng 2.9. Cơ cấu xét theo các bước thực hiện hành vi phạm tội

Bảng 2.10. Cơ cấu xét theo công cụ gây án

Bảng 2.11. Cơ cấu xét theo thời gian gây án

Bảng 2.12. Cơ cấu xét theo địa điểm thực hiện hành vi phạm tội

Bảng 2.13. Cơ cấu xét theo phương tiện gây án

Bảng 2.14. Cơ cấu xét theo chế tài áp dụng

Bảng 2.15. Cơ cấu theo độ tuổi của bị cáo

Bảng 2.16. Cơ cấu xét theo giới tính của bị cáo

Bảng 2.17. Cơ cấu xét theo hình thức cư trú

Bảng 2.18. Cơ cấu xét theo tôn giáo, tín ngưỡng

Bảng 2.19. Cơ cấu xét theo trình độ văn hóa của bị cáo

Bảng 2.20. Cơ cấu xét theo nghề nghiệp của bị cáo

Bảng 2.21. Cơ cấu xét theo hoàn cảnh gia đình của bị cáo

Bảng 2.22. Cơ cấu xét theo tình trạng hôn nhân

Bảng 2.23. Cơ cấu xét theo đặc điểm tiền án, tiền sự

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đồng Nai là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ có diện tích tự nhiên khoảng 5.907,2 km², chiếm 1,76% diện tích tự nhiên cả nước và 25,5% diện tích tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ. Dân số tỉnh Đồng Nai năm 2017 khoảng 3.300 triệu người. Toàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính, gồm: 01 đô thị loại 1 (thành phố Biên Hòa), 01 đô thị loại 3 (thị xã Long Khánh) và có 9 huyện (Long Thành, Nhơn Trạch, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Định Quán, Tân Phú Và Vĩnh Cửu) với 171 địa bàn hành chính cấp xã (29 phường, 06 thị trấn, 136 xã). Phía Đông tiếp giáp tỉnh Bình Thuận, phía Bắc tiếp giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, phía tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng Nai được coi là bản lề chiến lược, tiếp giáp giữa trung du và đồng bằng, là cửa ngõ của trục động lực phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: Thành phố Hồ Chí Minh – Đồng Nai – Bà Rịa Vũng Tàu nối liền với nhiều tuyến đường huyết mạch đi qua như: Quốc lộ 1A, quốc lộ 20, quốc lộ 51, quốc lộ 56 và tuyến đường sắt Bắc Nam đã tạo điều kiện cho hoạt động phát triển kinh tế trong vùng cũng như giao thương với cả nước.

Nhờ vị trí thuận lợi và nền văn hóa phong phú, đa dạng, nên Đồng Nai đã trở thành khu vực trọng điểm của vùng Đông Nam Bộ. Trong những năm qua, tỉnh Đồng Nai không ngừng phát triển tình kinh tế, văn hóa, xã hội, đời sống nhân dân được nâng cao về mọi mặt. Công tác phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh luôn được Tỉnh ủy Đồng Nai quan tâm, chỉ đạo các cấp, các ngành thường xuyên thực hiện các biện pháp giữ vững ổn định về chính trị, an ninh trật tự trên địa bàn phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được như vậy thì những năm gần đây tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh vẫn diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội và đời sống nhân dân. Tình hình tội phạm nói chung, tình hình các tội xâm phạm sở hữu nói riêng vẫn diễn ra rất nghiêm trọng. Theo báo cáo kết quả thụ lý giải quyết các loại án của TAND tỉnh Đồng Nai, trong 5 năm từ năm

2013 đến năm 2017, TAND các cấp đã giải quyết 15.316 vụ với 29.928 bị cáo; trong đó đã xét xử các tội xâm phạm sở hữu là 5.415 vụ với 8.328 bị cáo. Cụ thể, năm 2013 số vụ án XPSH là 1.166 vụ với 1.792 bị cáo; năm 2014 số vụ án XPSH là 1.123 vụ với 1.792 bị cáo; năm 2015 là 1.158 vụ với 1.863 bị cáo; năm 2016 là 1.070 vụ với 1.519 bị cáo; năm 2017 xảy ra 898 vụ với 1.227 bị cáo. Tình hình các tội xâm phạm sở hữu diễn ra tăng giảm không ổn định qua từng năm, và có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Tuy nhiên, tình hình các tội này vẫn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các vụ án xảy ra trên địa bàn, chiếm 35,36% số vụ với 27,83% số bị cáo. Hậu quả của tội phạm không chỉ gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự và sự phát triển về kinh tế, xã hội của tỉnh Đồng Nai.

Trong những năm qua, Đảng ủy và UBND tỉnh Đồng Nai luôn quan tâm, chú trọng công tác đấu tranh phòng, chống tình hình tội phạm nói chung và các tội phạm xâm phạm sở hữu nói riêng. Trên cơ sở thực tế đã ban hành, triển khai nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cấp, các ngành, các cơ quan đoàn thể các chương trình, kế hoạch, biện pháp cụ thể để tổ chức trên tinh thần của các văn bản: Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ về *“Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 48 - CT/TƯ ngày 22/10/2010 của Bộ chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”*; Chỉ thị số 09 - CT/TƯ ngày 01/12/2011 của Ban bí thư Trung ương về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ ANTO trong tình hình mới”*.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên đây chỉ là những biện pháp phòng ngừa các loại tội phạm nói chung chưa có những giải pháp để ngăn chặn hạn chế nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình các tội xâm phạm sở hữu cũng như phòng ngừa hiệu quả đối với loại tội này. Để đấu tranh có hiệu quả đối với loại tội phạm này, một trong những vấn đề quan trọng là cần làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH. Hiện nay, trong số các khoa học pháp lý hình sự, tội phạm

học được xem là một khoa học về phòng ngừa tội phạm trên cơ sở làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm.

Với cách nhìn nhận như vậy, tác giả đã lựa chọn nghiên cứu đề tài “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*” làm đề tài nghiên cứu luận văn Thạc sĩ Luật học, chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; Mã số: 8.38.01.05.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Để có cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài, các công trình khoa học sau đây đã được nghiên cứu:

- “*Tội phạm học, Luật Hình sự, Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia, năm 1994;

- “*Tội phạm học Việt Nam-Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” của Viện Nhà nước và Pháp luật, Nxb Công an nhân dân, năm 2000;

- “*Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*” của TS. Phạm Văn Tinh, Nxb Tư pháp, năm 2007;

- Giáo trình “*Tội phạm học*” của GS.TS. Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, 2013;

- Giáo trình “*Tội phạm học*” của trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, năm 2004, 2012;

- “*Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay, một mô hình nghiên cứu tội phạm học chuyên ngành*” của Phạm Văn Tinh, Đào Bá Sơn, Nxb Công an nhân dân, năm 2010;

- “*Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*” của Nguyễn Văn Cảnh và Phạm Văn Tinh, do Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an ấn hành năm 2013.

Các công trình nghiên cứu nêu trên đã tập chung làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu bao gồm khái niệm, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, phân biệt khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tội phạm với một số khái niệm khác có liên quan, các

đặc điểm nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, sự tác động qua lại của các yếu tố tiêu cực trong cơ chế hành vi phạm tội. Đây là những cơ sở lý luận rất quan trọng mà luận văn sẽ kế thừa làm nền tảng lý luận.

Ở mức độ cụ thể và liên quan trực tiếp đến đề tài luận văn, các công trình khoa học sau đây cũng đã được tham khảo:

- Huỳnh Văn Em (2007), *“Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu trên các tuyến giao thông đường thủy nội địa ở địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Đại học Cảnh sát nhân dân;

- Trần Điện Ảnh (2014), *“Các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Huỳnh Tấn Đạt (2014), *“Các tội xâm phạm sở hữu do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Nguyễn Thị Diệu Hiền (2014), *“Các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Trần Thị Hồng Lê (2014), *“Các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Phước: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Nguyễn Kiến Thức (2015), *“Các tội xâm phạm sở hữu trên địa tỉnh Sóc Trăng: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Nguyễn Văn Phên (2015), *“Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Tiền Giang”*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Nguyễn Thị Triều Mến (2015), “*Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Dương*”, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội;

- Nguyễn Đình Thanh (2016), “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương*”, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để làm sáng tỏ các yếu tố tác động làm phát sinh tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn. Từ đó, đề tài đưa ra các giải pháp khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của hiện tượng tiêu cực này, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu.

- Nghiên cứu, phân tích làm rõ các yếu tố giữ vai trò là nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Dự báo tình hình các tội xâm phạm sở hữu và hoàn thiện hệ thống giải pháp phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu từ khía cạnh nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Xét trong hệ thống tội phạm học, tên đề tài luận văn đã đề cập đến đối tượng nghiên cứu của đề tài, tức là nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đó là sự tương tác giữa những hiện tượng, những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống ở tỉnh Đồng Nai và những đặc điểm tiêu cực về nhân thân người phạm tội mà trong những hoàn cảnh, tình huống nhất

định đã thực hiện những hành vi tạo thành tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung, đề tài được nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học thuộc chuyên ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm;

- Về tội danh, đề tài phải đề cập đến đời sống thực tế của các tội được quy định từ Điều 133 đến Điều 145 của Bộ luật hình sự hiện hành;

- Về không gian, đề tài sử dụng số liệu thực tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm số liệu thống kê của các cơ quan tư pháp hình sự cấp tỉnh, đặc biệt là của Tòa án nhân dân và 100 bản án hình sự sơ thẩm;

- Về thời gian, đề tài nghiên cứu giới hạn trong thời gian từ 2013 đến năm 2017

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp biện chứng, phương pháp logic, phương pháp nghiên cứu hồ sơ, phương pháp tổng kết thực tiễn, phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, hệ thống, diễn giải, quy nạp.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Ý nghĩa lý luận: Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần làm rõ hơn lý luận tội phạm học về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm nói chung và của các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng.

- Ý nghĩa thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể giúp cá nhân, cơ quan, tổ chức tham khảo để vận dụng vào việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho quần chúng nhân dân về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm và vận dụng trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn gồm có 3 Chương. Cụ thể là:

Chương 1. Những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu

Chương 2. Thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013 – 2017

Chương 3. Các giải pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu

1.1.1. Khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu

GS.TS Võ Khánh Vinh cho rằng: “Nguyên nhân của tình hình tội phạm là những hiện tượng xã hội tiêu cực ở trong mối liên hệ tương tác hai mức độ sinh ra và tái sản xuất ra tình hình tội phạm như là hậu quả tất yếu của mình. Điều kiện của tình hình tội phạm là những hiện tượng xã hội tiêu cực, tự mình không sinh ra tình hình tội phạm và các tội phạm, mà là hỗ trợ, làm dễ dàng và tăng cường cho sự hình thành và hoạt động của các nguyên nhân” [56, tr. 87].

Quan điểm trên thể hiện bản chất nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung. Như vậy để tìm hiểu nguyên nhân và điều kiện trong những trường hợp cụ thể của tình hình các tội XPSH cần làm rõ khái niệm cụ thể từ đó định hướng cho việc nghiên cứu.

Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định rằng nguyên nhân là phạm trù chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt của một sự vật, một hiện tượng hoặc giữa các sự vật, các hiện tượng với nhau gây ra một sự biến đổi nhất định gọi là kết quả. Về bản chất nguyên nhân không phải là hiện tượng hay sự vật nào đó mà nguyên nhân chỉ có thể là sự tác động qua lại, không có sự tác động qua lại thì không có nguyên nhân. Trong quá trình tương tác với điều kiện nhất định nguyên nhân sẽ sinh ra kết quả tương ứng

Về lý thuyết, nguyên nhân và điều kiện là hai phạm trù khác nhau, giữ vai trò khác nhau trong việc sinh ra kết quả là tình hình tội phạm. Tuy nhiên, trong lĩnh vực xã hội nói chung và tội phạm học nói riêng, sự phân biệt giữa nguyên nhân và

điều kiện chỉ mang tính chất tương đối, thực tế đấu tranh và phòng ngừa tội phạm luôn đòi hỏi phải loại trừ cả nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm. Vì vậy việc đi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung và tội phạm SPSH nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng, từ đó đưa ra các biện pháp phòng ngừa đạt hiệu quả cao.

Với cách nhìn nhận như vậy, có thể đưa ra nhận định: *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu là sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực của môi trường sống với các yếu tố tâm – sinh lý tiêu cực thuộc cá nhân con người, trong những tình huống, hoàn cảnh nhất định làm phát sinh các hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Luật hình sự quy định là các tội xâm phạm sở hữu.*

Trên cơ sở này, tác giả đi sâu vào nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

1.1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu

Khi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm có ý nghĩa rất quan trọng trong tội phạm học. Thông qua nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện sẽ tạo thuận lợi nghiên cứu, nhận thức các đối tượng khác của tội phạm học và đề ra các biện pháp phòng ngừa đạt hiệu quả. Bởi mục đích cuối cùng của tội phạm học nói chung là làm giảm đến mức thấp nhất số lượng tội phạm xảy ra trong xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, việc nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu sẽ mang lại nhiều ý nghĩa quan trọng về lý luận và thực tế.

1.1.2.1. Ý nghĩa lý luận của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu

Thứ nhất, việc nghiên cứu, làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu góp phần nhận thức sâu sắc hơn, rõ nét hơn về tình hình các tội xâm phạm sở hữu, góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận của nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm.

Thông qua việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sẽ góp phần làm rõ thực trạng, cơ cấu, diễn biến của tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu và xu hướng của tình hình tội phạm trong thời gian tới. nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu còn giúp hiểu rõ hơn các yếu tố thuộc nhân thân người phạm tội, xem xét, nhìn nhận những yếu tố này trong sự tác động qua lại với các yếu tố khác thuộc môi trường sống và hoàn cảnh làm phát sinh tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu.

Thứ hai, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu còn giúp việc hoạch định chính sách pháp luật nói chung và các chính sách hình sự nói riêng.

Thứ ba, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu còn góp phần cung cấp những thông tin hữu ích cho các ngành khoa học pháp lý khác sử dụng, đồng thời là cơ sở áp dụng các phương pháp, biện pháp trong thực tế phòng, chống tội phạm.

1.1.2.2. Ý nghĩa thực tiễn của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu

Thứ nhất, việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu là cơ sở để xây dựng các biện pháp phòng ngừa các tội phạm xâm phạm sở hữu một cách khoa học và đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu là cơ sở cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, xã hội một cách phù hợp, giảm thiểu các mâu thuẫn xã hội là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Thứ ba, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu sẽ góp phần cung cấp những thông tin hữu ích cho khoa học quản lý, giáo dục người phạm tội trở thành người hữu ích cho xã hội.

1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu

Theo GS.TS. Võ Khánh Vinh thì “*Trong tội phạm học, tùy thuộc vào nhiệm vụ của việc nghiên cứu người ta sử dụng việc phân chia các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm theo các cách khác nhau*” [56, tr. 93]. Việc phân loại các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được tiến hành theo các tiêu chí về cơ chế, mức độ tác động, nội dung tác động và bản chất của sự tồn tại.

Như vậy, nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH cũng rất đa dạng, phong phú và có nhiều cách phân loại khác nhau. Xét thấy để giải quyết tốt nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài thì cần phải phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên cơ sở cơ chế hành vi phạm tội.

Nghiên cứu các công trình, tài liệu về cơ chế hành vi phạm tội [23,35,46], có thể rút ra các kết luận sau:

Một là, hệ thống các yếu tố làm phát sinh tình hình các tội XPSH cần làm rõ dựa trên quy luật của cơ chế hành vi phạm tội vận hành theo công thức $S - X - R$, trong đó S là kích thích khách thể (môi trường sống), X là kích thích phương tiện (yếu tố tâm sinh lý con người với hạt nhân là ý thức pháp luật) và R là hành động trả lời các kích thích đó;

Hai là, cơ chế hành vi phạm tội có hai quá trình: quá trình một là quá trình tương tác nhập tâm; quá trình hai là quá trình tương tác xuất tâm. Hai quá trình này phụ thuộc lẫn nhau, tác động lẫn nhau;

Ba là, quá trình tương tác nhập tâm trong cơ chế hành vi phạm tội là quá trình con người chuyển các yếu tố từ phía môi trường sống vào bản thân mình để tạo thành tâm lý, ý thức, quan điểm, nhân cách của bản thân và cách nhìn nhận thế giới bên ngoài. Quá trình tương tác xuất tâm trong cơ chế hành vi phạm tội là quá trình bộc lộ tâm lý, ý thức, đặc biệt là ý thức pháp luật, ra bên ngoài thông qua hoạt động kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi.

Trên cơ sở lý luận như đã trình bày, việc phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH theo cơ chế hành vi phạm tội được tiến hành như sau:

1.2.1. Những nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm

Quá trình tương tác nhập tâm của cơ chế hành vi phạm tội XPSH kéo dài từ khi sinh ra cho tới khi chủ thể hành vi có được động lực thực hiện hành vi phạm tội XPSH, tức là từ quá trình tiếp nhận các yếu tố từ môi trường bên ngoài từ khi sinh ra đến giai đoạn “động cơ hóa hành vi” trong mô hình cơ chế hành vi phạm tội. Quá trình này chỉ diễn ra trong đầu óc con người, được gọi là “Quá trình tương tác nhập tâm”. Chính những yếu tố tiêu cực thuộc quá trình này cùng với các yếu tố thuộc tâm sinh lý bên trong con người đã tạo cho chủ thể hành vi một nhân thân xấu dần và dẫn tới xác định cho mình động lực để phạm tội – động cơ hóa hành vi.

1.2.1.1 Những nguyên nhân và điều kiện khách quan

Sự hình thành, phát triển nhân cách của một con người với tính chất là một thực thể xã hội bắt đầu từ khi người đó sinh ra và trải qua một quá trình tương tác lâu dài giữa các yếu tố khách quan thuộc môi trường sống với các yếu tố chủ quan thuộc về ý thức của con người. Trong quá trình tương tác đó cá nhân chịu sự tác động của môi trường sống (chứa đựng yếu tố thuận lợi và yếu tố không thuận lợi) làm biến dạng nhân cách, làm xuất hiện những nhu cầu, lợi ích lệch chuẩn mực xã hội của một đối tượng luôn được coi là nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội. Những nguyên nhân, điều kiện này tác động lên đối tượng trong một khoảng thời gian dẫn đến việc hình thành những nhu cầu lợi ích không phù hợp với các chuẩn mực xã hội; để thỏa mãn nhu cầu, lợi ích đó thì đối tượng lựa chọn con đường đó là thực hiện hành vi XPSH và dự định sẽ làm khi có điều kiện thích hợp. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng như đã trình bày thì kết quả sự tác động của các yếu tố này còn phụ thuộc vào khả năng lĩnh hội của chủ thể điều này giải thích cho việc không phải ai rơi vào môi trường không thuận lợi cũng đều có ý định phạm tội – Động cơ hóa hành vi.

Nguyên nhân và điều kiện trong giai đoạn này thuộc quá trình tương tác nhập tâm:

- a) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, cái nôi nuôi dưỡng và là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách của con người. Mỗi đứa trẻ khi sinh ra như một trang giấy trắng, bản thân trẻ chưa hình thành một tính cách rõ rệt. Những nét vẽ đầu tiên lên trang giấy đó có thể sẽ quyết định cả cuộc đời. Vì vậy, môi trường đầu tiên mà mỗi đứa trẻ tiếp xúc – gia đình sẽ là những ảnh hưởng đầu tiên và quan trọng nhất đối sự phát triển tâm lý và tính cách của trẻ. Một môi trường gia đình thuận lợi sẽ hình thành những phẩm chất cá nhân tích cực đối với cá nhân. Ngược lại, sống trong gia đình không thuận lợi (gia đình khuyết thiếu, gia đình đông con, gia đình không hòa thuận...) sẽ hình thành nhân cách tiêu cực trong mỗi cá nhân, ảnh hưởng đến nhận thức mỗi cá nhân từ đó dẫn đến thực hiện các tội XPSH.

Thứ nhất, gia đình khuyết thiếu. Trẻ em sống trong gia đình khuyết thiếu là gia đình không có cha hoặc không có mẹ, hoặc không có cha hoặc mẹ, cha mẹ ly hôn. Đây là gia đình sẽ ảnh hưởng đến trẻ em nếu sự quan tâm của cha hoặc mẹ, thiếu tình thương của cha mẹ, sự quan tâm, chăm sóc sẽ dẫn đến trẻ có tâm lý tự ti, mặc cảm và từ đó không học hành, đi theo các tệ nạn xã hội và từ đó dẫn đến con đường phạm tội.

Thứ hai, gia đình không hòa thuận, hạnh phúc. Sống trong môi trường gia đình không hòa thuận, không hạnh phúc ảnh hưởng đến tâm lý trẻ như chán nản, thất vọng về cuộc sống, coi thường bố mẹ, coi thường những giá trị đạo đức, không có ý thức tôn trọng pháp luật, dễ dàng theo bạn bè những thói hư tật xấu và vi phạm pháp luật.

Thứ ba, gia đình đông con. Sống trong gia đình đông con sẽ không được sự quan tâm của cha mẹ, cha mẹ không có thời gian gần gũi, chăm sóc hay lắng nghe tâm tư nguyện vọng của trẻ em. Gia đình đông con trẻ em sẽ thiếu thốn về vật chất và thực hiện các hành vi vi phạm về tài sản như trộm cắp tài sản, cướp tài sản... Cha mẹ không quan tâm trẻ sẽ thiếu thốn về mặt tinh thần, tình cảm. Từ những yếu tố đó sẽ ảnh hưởng tới trẻ lì lợm, thiếu bản lĩnh, thấy bất công, mất niềm tin vào cuộc sống.

Thứ tư, gia đình có người thân vi phạm pháp luật. Đây là gia đình sẽ tạo cho trẻ dễ dàng học những thói hư, tật xấu của những người vi phạm. Trẻ em sống trong môi trường này sẽ hình thành tâm lý bất cần, coi thường giá trị đạo đức, giá trị pháp luật. Coi thường pháp luật và nhận thức sai lệch về quyền sở hữu tài sản của người khác sẽ dẫn đến trẻ thực hiện các tội về xâm phạm sở hữu như cướp, cướp giật tài sản hay trộm cắp tài sản.

b) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhà trường

Nếu gia đình là nơi đầu tiên hình thành nhân cách của mỗi cá nhân thì môi trường nhà trường sẽ bồi đắp, hoàn thiện nhân cách đó. Nhà trường không chỉ là nơi cá nhân trau dồi kiến thức tự nhiên và xã hội mà còn là nơi cá nhân hình thành hệ thống các quan điểm, nhân sinh quan, phương pháp nhìn nhận đánh giá sự vật, hiện tượng. Chính vì vậy, có thể thấy rằng môi trường nhà trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự hình thành nhân cách, hành vi của mỗi cá nhân. Cá nhân có nhận thức đúng thì mới hành động đúng. Ngược lại, môi trường giáo dục có nhiều nhân tố không lành mạnh sẽ ảnh hưởng đến nhận thức lệch lạc đối với cá nhân, từ đó dẫn đến hành vi lệch chuẩn mực xã hội và thường sẽ đi vào con đường vi phạm pháp luật nói chung, phạm các tội về xâm phạm sở hữu nói riêng. Những nhân tố không lành mạnh bao gồm như:

Thứ nhất, kỷ luật nhà trường lỏng lẻo, không nghiêm, bạo lực học đường. Đây có thể coi là những nhân tố tác động trực tiếp đến nhận thức của cá nhân trong môi trường nhà trường hình thành nên những hành vi lệch chuẩn. Từ những yếu tố này dẫn đến sự buồn chán, sợ đến trường, mất niềm tin vào cuộc sống, dễ bị lôi kéo vào các hoạt động tiêu cực khi mà môi trường nhà trường không định hướng được. Với môi trường này hình thành nên tính cách của trẻ như bỏ mặc việc học, chống đối, thích hưởng thụ vật chất, dùng vũ lực giải quyết vấn đề và từ đó vi phạm pháp luật, dễ dàng phạm các tội xâm phạm sở hữu như cướp tài sản, trộm cắp tài sản...

Thứ hai, về đội ngũ giáo viên giảng dạy. Thầy cô giáo chính là tấm gương để các em học tập, noi theo. Vì vậy, sự thiếu gương mẫu của thầy cô giáo trong lối sống, đạo đức trong hành xử với học sinh, không là tấm gương cho học sinh từ đó

các em không có động lực học tập và có thể chính những thầy cô giáo không chuẩn mực sẽ ảnh hưởng đến quá trình hình thành nhận thức, nhân cách của các em.

Thứ ba, hiện nay một số nhà trường chỉ chú trọng vào đào tạo kiến thức mà chưa đào tạo về kỹ năng sống cho học sinh. Ngoài kiến thức mà các em nhận thức được thì kỹ năng sống có ý nghĩa rất quan trọng giúp các em nhận thức được hành vi, thái độ của mình khi ra ngoài xã hội.

Thứ tư, những áp lực trong học tập của gia đình hay nội dung quá tải, thiếu sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường cũng là yếu tố hình thành những nhận thức, hành vi lệch chuẩn của mỗi cá nhân, khi gặp những điều kiện thuận lợi sẽ dễ dàng phạm tội.

c) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường bạn bè

Ngoài môi trường gia đình, nhà trường, đặc điểm nhân cách con người còn được hình thành trong môi trường bạn bè. Bởi bạn bè đồng trang lứa sẽ giống nhau về suy nghĩ, quan điểm, thái độ, do đó khi trẻ kết bạn với những người bạn tốt hình thành nhận thức chuẩn mực. Ngược lại, nếu kết bạn với người bạn xấu, trẻ sẽ học theo những hành vi đó như lười học, thích hưởng thụ, dễ bị kích động và từ đó sẽ dễ dàng thực hiện hành vi trái pháp luật. Ví dụ như: trẻ nghe theo bạn bè, muốn có tiền chơi bời sẽ thực hiện các hành vi như trộm cắp tài sản, phạm các tội xâm phạm sở hữu.

đ) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường kinh tế, xã hội

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam đang ngày càng phát triển về mọi mặt, tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa. Kinh tế, xã hội đang trên đà phát triển mạnh mẽ, đưa đất nước sánh vai với các cường quốc năm châu. Tuy nhiên cùng với sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã hình thành những tác động tiêu cực trong đời sống xã hội. Một số người có tâm lý thích hưởng thụ, không chịu lao động, muốn kiếm tiền dễ dàng đã thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật như cướp tài sản, trộm cắp tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản...

Cùng với quá trình đô thị hóa, sự phát triển về kinh tế, xã hội đang diễn ra mạnh mẽ, tuy nhiên sự phát triển này không đồng đều, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt. Những yếu tố này tác động hình thành một số đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội XPSH như bất công, chán nản, ham muốn của cải vật chất mà không muốn lao động, coi thường pháp luật từ đó dẫn đến các hành vi phạm tội như lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trộm cắp tài sản...

Bên cạnh đó, công tác về quản lý kinh tế, quản lý xã hội của nhà nước cũng còn nhiều hạn chế cũng dẫn đến các tội phạm xâm phạm sở hữu... công tác phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho người dân còn hạn chế về hiệu quả. Công tác tuyên truyền, phổ biến về pháp luật chưa phù hợp nên vẫn còn phần lớn người dân chưa nắm bắt được các quy định của pháp luật, chưa nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc phát hiện, tố giác hành vi phạm tội của các đối tượng phạm tội nói chung, tội phạm XPSH nói riêng.

e) Môi trường văn hóa, tư tưởng, đạo đức

Nước ta có đời sống văn hóa phong phú, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức là quy chuẩn mà mọi người thực hiện theo. Cùng với sự phát triển của xã hội thì giá trị văn hóa mới được hình thành. Tuy nhiên, cùng với đó là tình trạng phổ biến, tiếp thu thiếu chọn lọc những sản phẩm văn hóa không phù hợp; suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong xã hội có chiều hướng gia tăng; các giá trị đạo đức truyền thống bị xói mòn... Những yếu tố này đã góp phần hình thành ở một bộ phận không nhỏ người dân có tư tưởng háms lợi, tham lam, ích kỷ, coi trọng vật chất, chây lười lao động, sống nhanh, sống gấp, coi thường tài sản, tính mạng của người khác, tham gia vào các hoạt động tệ nạn xã hội... và để có tiền tiêu xài, thỏa mãn sở thích lệch lạc một số đối tượng đã lựa chọn đi vào con đường thỏa mãn nhu cầu bằng cách tiêu cực như trộm cắp tài sản, cướp tài sản, cướp giết tài sản...

1.2.1.2. Nguyên nhân và điều kiện chủ quan

Nguyên nhân, điều kiện chủ quan từ phía người phạm tội được hiểu là tất cả những yếu tố thuộc về người phạm tội bao gồm những tiêu cực thuộc ý thức cá nhân và những biểu hiện tiêu cực trong lối sống cá nhân.

Nghiên cứu quá trình này là tìm ra động lực thúc đẩy con người hành động, từ đó lý giải vì sao có người phạm tội nhưng có người không phạm tội mặc dù cùng sống trong một môi trường sống.

Quá trình động cơ hoá hành vi phạm tội diễn ra trong suy nghĩ người phạm tội, còn những động lực của hành vi như nhu cầu, sở thích, lợi ích, thói quen... lại là những yếu tố không phải lúc nào cũng tồn tại trong con người, mà chúng thường do môi trường bên ngoài quy định. Điều đó có nghĩa là, động cơ hoá hành vi là quá trình tâm - sinh lý - xã hội. Quá trình này có cơ sở khách quan do điều kiện xã hội, do hoàn cảnh sống cụ thể của mỗi con người mang lại [4, tr. 33.]

Các đối tượng xâm phạm sở hữu thường có nhu cầu về vật chất để thỏa mãn của cá nhân. Có thể thấy rằng nhu cầu về vật chất là nhu cầu chính đáng của mỗi con người được quy định trong Hiến pháp, các bộ luật. Tuy nhiên, khác với những người khác có nhu cầu về vật chất thì các cá nhân này thỏa mãn nhu cầu bằng hành vi phạm tội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác. Người phạm tội thường có nhận thức không đúng hoặc không đầy đủ về các giá trị đạo đức xã hội, giá trị sức lao động của người khác. Họ đặt lợi ích cá nhân lên trên hết, không muốn lao động vất vả bằng sức lao động của mình mà chỉ muốn được hưởng thụ, thỏa mãn nhu cầu về tài sản. Từ nhận thức, đặc điểm tâm lý và tư tưởng không đúng đắn này, kết hợp với nhu cầu không chính đáng nên đã hình thành động cơ của hành vi phạm tội cướp giật tài sản.

Không phải cứ có nhu cầu về tài sản là thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Nhu cầu về tài sản là một nhu cầu chính đáng của mỗi cá nhân được xã hội thừa nhận và pháp luật ghi nhận, nên sai lệch có khả năng dẫn đến các hành vi phạm các tội xâm phạm sở hữu không nằm ở chính bản thân nhu cầu này, mà là ở sự không phù hợp của nhu cầu với hoàn cảnh của chủ thể hành vi.

Những cá nhân phạm các tội xâm phạm sở hữu thường có những sai lệch về nhu cầu tài sản và sai lệch ở phương pháp nhu cầu thỏa mãn. Như đã phân tích ở trên, mỗi con người có nhu cầu về tài sản là đúng đắn, tuy nhiên ở đây sự sai lệch trong nhu cầu đó thể hiện như nhu cầu không phù hợp với hoàn cảnh kinh tế, khả

năng lao động, nhu cầu của bản thân vượt lên trước khả năng thu nhập của bản thân hoặc tâm lý ganh tỵ với những người giàu có hơn mình. Đây chính là sự sai lệch về nhu cầu không phù hợp dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Sai lệch về phương pháp thỏa mãn nhu cầu chính là cá nhân có trong mình sai lệch về nhu cầu tài sản, coi thường pháp luật, nhận thức hạn chế của bản thân từ đó thực hiện thỏa mãn nhu cầu bằng các hành vi phạm các tội xâm phạm sở hữu như cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản...

1.2.2. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác xuất tâm

Quá trình tương tác xuất tâm là quá trình tiếp theo của cơ chế hành vi phạm tội bao gồm khâu kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi phạm tội.

Để chuẩn bị cho việc chuẩn bị phạm, chủ thể cần kế hoạch hóa hành vi đó. Có nghĩa là chủ thể cần xác định mục đích, đối tượng, phương tiện, thời gian, địa điểm, phương thức khi mình thực hiện hành vi đó như thế nào. Như vậy, đầu tiên chủ thể chuẩn bị những điều kiện vật chất và tinh thần, sau đó hiện thực hóa hành vi bằng các hành động cụ thể là các bước thuộc quá trình tương tác xuất tâm. Nguyên nhân và điều kiện tác động đến quá trình này được trình bày như sau:

1.2.2.1. Nguyên nhân và điều kiện chủ quan

- Nguyên nhân và điều kiện thuộc về chủ thể thực hiện hành vi phạm tội

Những yếu tố tiêu cực của hành vi phạm tội của chủ thể chính là những yếu tố tiêu cực của môi trường sống tác động trong quá trình tương tác nhập tâm. Khi đó ta thấy rằng, chủ thể hành vi phạm tội XPSH thường có nhu cầu về vật chất, mong muốn có được tài sản bằng mọi cách. Những chủ thể này thường có tâm lý coi thường pháp luật, thích hưởng thụ, lười lao động, coi nhu cầu của mình phải đạt được bằng mọi cách, do đó sẽ dễ dàng phạm các tội về XPSH như trộm cắp tài sản, cướp tài sản,... Như vậy, để thỏa mãn nhu cầu về vật chất của bản thân, chủ thể của tội phạm XPSH sẽ có những hành vi biểu hiện ra bên ngoài thông qua quá trình tương tác xuất tâm đó là các hành vi, phương thức thực hiện các tội xâm phạm sở hữu. Phương thức thực hiện tội phạm được hiểu là toàn bộ quá trình mà hành vi phạm tội diễn ra, bao hàm từ khâu chuẩn bị, thực hiện và che giấu hành vi phạm tội.

Các yếu tố thời gian, địa điểm và phương tiện gây án cũng được xem xét đến dưới góc độ tội phạm học. Phương thức thực hiện tội phạm chứa đựng những thông tin về động cơ, thái độ, đặc điểm tâm lý của chủ thể hành vi. Do đó, càng làm rõ phương thức thực hiện tội phạm của tình hình tội phạm này bao nhiêu thì tính chất của loại hiện tượng tiêu cực này càng được làm rõ bấy nhiêu. Về lý luận, mô hình đầy đủ của phương thức thực hiện tội phạm bao gồm 3 bước: Chuẩn bị, thực hiện và che giấu hành vi phạm tội.

1.2.2.2. Nguyên nhân và điều kiện khách quan

Thứ nhất, sự yếu kém của các cơ quan chức năng trong việc phát hiện và ngăn chặn tội phạm. Cơ quan Công an và một số cơ quan có chức năng trong việc phát hiện và ngăn chặn tội phạm khi thực hiện còn nhiều hạn chế, bất cập. Một số cán bộ công an khi thực hiện nhiệm vụ không đảm bảo chức trách của mình, có thái độ thờ ơ, gây phiền hà tới những nạn nhân đến trình báo. Công tác tiếp nhận tin báo còn gây nhiều phức tạp và một số nạn nhân không có sự tin tưởng vào các cơ quan chức năng như trong các vụ trộm cắp tài sản.

Thứ hai, sự thờ ơ của môi trường xã hội. Trong các tội về xâm phạm sở hữu thì sự thờ ơ của mỗi cá nhân trong xã hội là yếu tố làm gia tăng tình hình các tội xâm phạm sở hữu. Mỗi cá nhân trong xã hội chỉ biết sống cho riêng mình, ngại va chạm, sống khép kín theo chủ nghĩa cá nhân đã tạo điều kiện cho các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ ba, nguyên nhân khách quan bên ngoài môi trường sống. Đây là những nguyên nhân cũng có ý nghĩa quan trọng trong nhiều trường hợp của các tội xâm phạm sở hữu thể hiện thông qua hai yếu tố, đó là thời gian và địa điểm.

Thứ tư, nguyên nhân xuất phát từ nạn nhân. Nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu cũng là một trong những nguyên nhân và điều kiện gia tăng các tội phạm xâm phạm sở hữu. Những lối sống và thói quen là những yếu tố quan trọng làm tăng khả năng trở thành nạn nhân của tội phạm trong những trường hợp cụ thể. Có nhiều lối sống tưởng chừng như vô hại nhưng trong những điều kiện, hoàn cảnh

nhất định và cùng động cơ, mục đích của người thực hiện tội phạm là yếu tố thúc đẩy nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu.

Tội phạm học rất quan tâm tới việc nghiên cứu nạn nhân trong cơ chế hình thành các diễn biến của một vụ phạm tội. Tức là quan tâm nghiên cứu tới đặc điểm nhân cách và hành vi của nạn nhân trong vụ phạm tội. Theo số liệu điều tra thì yếu tố nạn nhân giúp tạo tình huống của tội phạm trong khoảng 30% các vụ cướp tài sản, 40% các vụ hiếp dâm, 50% các vụ tai nạn giao thông và tới 70% các vụ lừa đảo.

Yếu tố chủ quan của nạn nhân đóng vai trò nhất định làm tăng nguy cơ trở thành nạn nhân của tội cướp giật tài sản như nạn nhân thường đeo đồ trang sức, nữ trang khi ra đường hoặc sử dụng điện thoại ở những nơi vắng vẻ. Mất cảnh giác và không có sự an toàn khi quản lý tài sản sẽ dễ dàng trở thành nạn nhân trong các vụ trộm cắp tài sản, hay vì lòng tin, có mối quan hệ với chính người thực hiện hành vi phạm tội trong tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản...

1.3. Cơ chế tác động của nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm XPSH là những hiện tượng, quá trình xã hội tiêu cực trong sự tương tác lẫn nhau làm phát sinh tình hình tội phạm XPSH. Những hiện tượng, quá trình xã hội tiêu cực có trong môi trường sống và trong nhân thân người phạm tội. Những hiện tượng, quá trình xã hội tiêu cực có sự tác động qua lại là cơ sở cho việc xác định hệ thống các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH.

Hành vi xâm phạm sở hữu là kết quả của sự tác động qua lại giữa các yếu tố thuộc môi trường xã hội bên ngoài và các yếu tố tâm, sinh lý tiêu cực xuất phát từ cá nhân người phạm tội. Sự tác động này diễn ra theo một cơ chế nhất định gọi là cơ chế hình thành hành vi phạm tội. Cơ chế này vận hành theo công thức $S - X - R$, trong đó S là các yếu tố thuộc môi trường (kích thích khách thể), X là yếu tố tâm, sinh lý con người (kích thích phương tiện), R là hành động trả lời các kích thích đó (hành vi phạm tội).

Môi trường sống có ảnh hưởng rất lớn đối với việc hình thành nhân cách của con người. Đây chính là bộ phận quan trọng trong cơ chế tác động nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm. Môi trường sống thường được chia thành như môi trường gia đình, môi trường nhà trường, môi trường xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành nhân cách của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, yếu tố môi trường cần có sự tác động qua lại với các yếu tố tâm, sinh lý tiêu cực của con người thông qua các hành động cụ thể từ đó hình thành hành vi phạm tội. Khi yếu tố tiêu cực từ môi trường sống tác động đến cá nhân thì bản thân cá nhân này cũng tác động trở lại từ đó hình thành nên những đặc điểm nhân cách của cá nhân. Như vậy có thể thấy rằng cùng môi trường tác động đến tâm sinh lý của mỗi cá nhân nhưng các hành động ra bên ngoài có sự khác nhau. Có nghĩa là trên thực tế có nhiều người sống trong một môi trường có nét tương đồng nhau nhưng có người thực hiện hành vi phạm tội và có người không thực hiện hành vi phạm tội. Và ngay cả giữa những người phạm tội thì mức độ chịu sự tác động của môi trường dẫn đến việc thực hiện các hành vi phạm tội cũng khác nhau.

Tuy cùng sống trong một môi trường không thuận lợi tác động trực tiếp đến mỗi cá nhân, có cá nhân dễ dàng bị ảnh hưởng của yếu tố môi trường từ đó thực hiện hành vi phạm tội nhưng cũng có những người khác thì không phạm tội. Chính vì vậy khi tìm hiểu nguyên nhân của tội phạm thì phải tìm hiểu cả nguyên nhân từ phía người phạm tội với những tố chất sinh học và cả những đặc điểm tâm lý riêng biệt.

Như vậy, cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH được hiểu là sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường như môi trường gia đình, môi trường nhà trường, môi trường xã hội, sự quản lý hạn chế của nhà nước... với các yếu tố tâm, sinh lý của một cá nhân để hình thành nên các đặc điểm nhân thân của con người. Những đặc điểm nhân thân xấu này gặp các tình huống cụ thể sẽ dẫn đến các hành vi phạm tội.

Do vậy, khi nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu phải nghiên cứu tất cả các yếu tố tác động từ phía xã hội và từ

phía người phạm tội, sự tác động qua lại giữa các yếu tố đó, cơ chế tác động của nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu để từ đó thấy được nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình các tội xâm phạm sở hữu.

1.4. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu với tình hình các tội xâm phạm sở hữu, với nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu và phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu.

1.4.1. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu với tình hình các tội xâm phạm sở hữu.

Xét về bản chất đây là mối liên hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả. Tình hình tội phạm trong đơn vị không gian, thời gian nhất định, biểu hiện qua mức độ, diễn biến, cơ cấu và tính chất của nó còn nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu là cái sinh ra cái quả. Ở đây, kết quả là tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu. Do đó, nguyên nhân và điều kiện là cái luôn luôn có trước kết quả, khi nguyên nhân và điều kiện xuất hiện và bắt đầu tác động sau đó sẽ sinh ra kết quả là tình hình tội phạm.

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại với tình hình các tội xâm phạm sở hữu. Mối quan hệ này thể hiện ở hai nội dung sau:

Một là, thông qua tình hình các tội xâm phạm sở hữu là cơ sở để nhận thức nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu. Trên cơ sở phân tích về tình hình tội phạm sẽ biết được những đặc điểm về lượng như diễn biến và thực trạng của tình hình tội phạm và những đặc điểm về chất đó là cơ cấu và tính chất của tình hình tội phạm. Từ những nội dung này sẽ là cơ sở để nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu một cách chính xác, khoa học.

Hai là, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu sẽ giúp cho việc nhận thức một cách đúng đắn, toàn diện về tình hình các tội xâm phạm sở hữu. Làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu còn làm rõ được tính chất của tình hình tội phạm.

Như vậy, giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu và tình hình các tội xâm phạm sở hữu có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau. Khi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện ta phải đặt trong mối quan hệ với tình hình tội phạm đó.

1.4.2. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu với nhân thân người phạm tội

GS.TS. Võ Khánh Vinh cho rằng : “Việc phân tích các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm và của tội phạm đã chỉ ra rằng không thể nhận thức, hiểu biết được các nguyên nhân và điều kiện đó nếu thiếu việc cân nhắc nhân thân người phạm tội, bản chất, các đặc điểm và quá trình hình thành nó [57, tr. 126]

“Nhân thân người phạm tội là một bộ phận cấu thành tất yếu và rất quan trọng của cơ chế hành vi phạm tội, còn các hoàn cảnh của sự hình thành các đặc điểm tâm lý - xã hội tiêu cực của cá nhân xuất hiện trước các đặc điểm của cá nhân nằm trong mối quan hệ nhân quả với tình hình tội phạm” [567 tr. 26].

Từ quan điểm thấy rằng, khi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu phải đặt trong mối quan hệ với nhân thân người phạm tội. Cũng qua công thức cơ chế của hành vi phạm tội S-X-R thì nhân thân người phạm tội chính là yếu tố quan trọng, là kết quả của sự tác động qua lại giữa yếu tố môi trường và tâm, sinh lý của cá nhân người phạm tội. Những đặc điểm nhân thân xấu khi gặp các môi trường, tình huống cụ thể sẽ thực hiện hành vi phạm tội.

Khi nghiên cứu nhân thân người phạm tội sẽ là cơ sở để nhận thức một cách đầy đủ, rõ ràng nhất về nguyên nhân làm phát sinh tội phạm. Thông qua nhân thân người phạm tội sẽ biết được động cơ, mục đích của việc thực hiện hành vi phạm tội, người phạm tội có những tiền án, tiền sự gì hay chưa, độ tuổi, trình độ học vấn, hoàn cảnh gia đình, và thông qua động cơ mục đích của việc thực hiện hành vi phạm tội sẽ giúp phân biệt người đó thực hiện các tội xâm phạm sở hữu.

1.4.3. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu với phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu.

Trên cơ sở làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu nhằm qua đó xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa đạt hiệu quả trên địa bàn nhất định đối với các tội xâm phạm sở hữu trong từng giai đoạn.

Việc nghiên cứu làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu cho phép chúng ta biết được đâu là nguyên nhân chủ yếu làm phát sinh tội phạm từ đó đề ra các biện pháp phòng ngừa ngăn chặn sự phát sinh của những nguyên nhân và điều kiện đó. Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu bao gồm các nguyên nhân, điều kiện nào và qua đó đề ra các biện pháp cụ thể nhất để ngăn chặn các nguyên nhân điều kiện làm phát sinh các tội phạm xâm phạm sở hữu. Những nguyên nhân đó có thể là nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan, nguyên nhân cơ bản, nguyên nhân chủ yếu, hoàn cảnh... tất cả những yếu tố làm phát sinh tình hình các tội xâm phạm sở hữu.

Trên cơ sở các biện pháp phòng ngừa còn tác động ngược trở lại đối với nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu. Thông qua việc xây dựng cũng như tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa sẽ làm giảm, loại trừ các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình các tội xâm phạm sở hữu.

Như vậy, nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu có mối quan hệ tác động qua lại với tình hình các tội xâm phạm sở hữu, với nhân thân người phạm các tội xâm phạm sở hữu và với phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu. Vì vậy khi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu ta phải đặt trong mối quan hệ đó, không được tách rời và nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu là yếu tố trung tâm để thực hiện các yếu tố khác.

Kết luận Chương 1

Nội dung chương 1 của luận văn tác giả đã tập trung khái quát những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu

như phân tích khái niệm, ý nghĩa, phân loại, cơ chế tác động đến các nguyên nhân và điều kiện và mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu với tình hình các tội xâm phạm sở hữu, với nhân thân người phạm tội và phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu.

Thông qua việc nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2013 - 2017 có thể khái quát như sau:

Một là, nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu là sự tác động qua lại giữa những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống với tâm, sinh lý cá nhân người phạm tội. Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống như môi trường gia đình, môi trường nhà trường, môi trường xã hội.

Hai là, yếu tố tiêu cực thuộc chủ thể của hành vi phạm tội là một trong những nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội phạm. Cá nhân phạm các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đều có nhu cầu sai lệch về sở hữu đối với tài sản, thiếu tôn trọng những giá trị vật chất, coi thường pháp luật, quyền sở hữu tài sản của con người và qua đó thực hiện hành vi phạm tội.

Ba là, khi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu phải đặt trong mối quan hệ với tình hình các tội xâm phạm sở hữu, nhân thân người phạm tội và với phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu. Thông qua việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu là cơ sở để xây dựng các biện pháp phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu một cách khoa học và hiệu quả.

Chương 2

THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2013 - 2017

2.1. Thực trạng nhận thức làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

2.1.1. Thực trạng nhận thức thông qua văn bản chỉ đạo của Đảng và văn bản triển khai thực hiện của chính quyền tỉnh Đồng Nai

2.1.1.1. Thực trạng nhận thức thông qua văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước

Việt Nam là một quốc gia đang ngày càng phát triển về mọi mặt kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh, quốc phòng. Để đạt những kết quả như vậy đó là sự lãnh đạo của Đảng cũng như Nhà nước ta. Tuy nhiên bên cạnh sự phát triển đó, tình hình tội phạm vẫn là vấn đề rất quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của một đất nước. Vì vậy, Đảng ta luôn xác định việc phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa các tội XPSH nói riêng luôn là một trong những nhiệm vụ trọng yếu, cấp bách, cần được thực hiện thường xuyên. Điều này được cụ thể hóa thông qua các Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình hành động của Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ về công tác phòng, chống tội phạm, cụ thể:

Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Chỉ thị đưa ra yêu cầu hiện nay như sau: “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, kết hợp chặt chẽ giữa công tác phòng, chống tội phạm với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Công tác phòng, chống tội phạm phải được thực hiện trong tiến trình cải cách tư pháp, phải tôn trọng quyền dân chủ, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, công dân và phải lấy chủ động phòng ngừa là chính, kết hợp chặt chẽ với tích cực tấn công trấn áp tội phạm”.

Như vậy trong Chỉ thị của Bộ chính trị thấy được rằng, công tác phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm XPSH nói riêng phải chủ động phòng ngừa là chính, kết hợp tấn công trấn áp tội phạm. Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu từ đó đưa ra các biện pháp phòng ngừa đối với tình hình tội phạm này một cách hiệu quả.

Chỉ thị số 48 của Bộ chính trị còn đưa nguyên nhân của tình hình tội phạm hiện nay đó là: Tình hình trên đây do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là cấp ủy đảng, chính quyền ở một số nơi chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nên chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác phòng, chống tội phạm; lực lượng trực tiếp chống tội phạm ở nhiều nơi còn yếu; công tác quản lý xã hội, công tác tuyên truyền, giáo dục về pháp luật, về đạo đức, lối sống và vận động nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm còn nhiều hạn chế. Hiệu quả phòng ngừa tội phạm do nguyên nhân xã hội còn thấp.

Quyết định 282/QĐ-TTg năm 2011 về Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 48-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Quyết định đã nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm: “Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các loại hình kinh doanh, dịch vụ dễ dẫn đến vi phạm pháp luật như: dịch vụ kinh doanh Gameonline, trò chơi điện tử có hình ảnh bạo lực, vũ trường, dịch vụ văn hóa, băng đĩa hình đồi trụy. Tập trung chỉ đạo phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn một số loại tội phạm có xu hướng gia tăng như: tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm do nguyên nhân xã hội, tội phạm ma túy, tham nhũng, tội phạm về môi trường, tội phạm và vi phạm pháp luật trong thanh, thiếu niên, tội phạm mua bán người, cướp có vũ trang...”

Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/04/2016 của Thủ Tướng Chính Phủ về phê duyệt chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030 với quan điểm chỉ đạo là tập trung lực lượng, sử dụng tổng hợp các biện pháp, chủ động phòng ngừa tích cực đấu tranh ngăn chặn tội phạm, trong đó lấy phòng ngừa là chính, kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa xã hội với

phòng ngừa nghiệp vụ. Kịp thời khắc phục những tồn tại hạn chế, làm rõ nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, coi trọng công tác phòng ngừa xã hội từ cộng đồng, gia đình ngay từ cơ sở, tuyên truyền giáo dục phổ biến pháp luật nhằm nâng cao cảnh giác, ý thức trách nhiệm chấp hành pháp luật...”.

Bộ chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ban ngành... còn ban hành nhiều văn bản nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác phòng, chống tội phạm nói chung và các tội xâm phạm sở hữu nói riêng.

Trên đây là những văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước đối với công tác phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, tác giả kế thừa những quan điểm, tư tưởng thể hiện trong các văn bản chỉ đạo để phục vụ cho việc nghiên cứu hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.

2.1.1.2. Thực trạng nhận thức thông qua các văn bản triển khai thực hiện của chính quyền tỉnh Đồng Nai.

Ngày 3 tháng 4 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch số 2964/KH-UBND về việc thực hiện Kết luận số 05-KL/TW ngày 17/7/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Nghị quyết số 60/2015/NQ-HĐND ngày 11/7/2015. Qua đó, đã thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm tỉnh để tập trung chỉ đạo chuyển hóa địa bàn phường, xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về tội phạm, an ninh trật tự với mô hình Bí thư cấp ủy xã, phường, thị trấn làm Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm. Công an tỉnh đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh mở 17 đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, chuyển hóa tình hình an ninh trật tự, địa bàn trọng điểm, địa bàn giáp ranh trong thời gian từ năm 2013 đến 2017.

Qua phân tích các văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính Phủ và chính quyền tỉnh Đồng Nai đã cho chúng ta nhận thức được rằng tình hình tội phạm vẫn còn diễn biến phức tạp. Đã xuất hiện nhiều loại tội phạm mới như: Khủng bố, rửa tiền, mua

bán người, sử dụng công nghệ cao để phạm tội, tội phạm trong lĩnh vực chứng khoán, tội phạm về môi trường, tội phạm xuyên quốc gia... Tình hình trên đây do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là cấp Ủy đảng, chính quyền ở một số nơi mặc dù đã có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nhưng chưa thật sự hiệu quả, nhất là trong việc triển khai thực hiện các văn bản đã ban hành nên chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác phòng, chống tội phạm; lực lượng trực tiếp chống tội phạm ở nhiều nơi còn yếu. Việc kế thừa, nhận thức đúng đắn, đầy đủ những nguyên nhân này sẽ là cơ sở thuận lợi cho tác giả đưa ra những kết luận đúng đắn về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm XPSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cũng như nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp nhất để phòng ngừa hiện tượng xã hội tiêu cực này.

2.1.2. Thực trạng nhận thức nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013 – 2017 qua các thông số của tình hình tội phạm

Để nghiên cứu tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017 tác giả nghiên cứu qua các vụ án đã xảy ra, số đối tượng phạm tội được phát hiện, điều tra xử lý; mức độ, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tình hình các tội XPSH.

2.1.2.1. Mức độ (thực trạng) của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực trạng (mức độ) của tình hình tội phạm là đặc điểm định lượng tiêu biểu, cho biết về toàn bộ số người vi phạm cùng số tội phạm do họ thực hiện trong một đơn vị thời gian và không gian nhất định.

a) Mức độ tổng quan

Mức độ của tình hình các tội XPSH từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017 được nhận thức thông qua các số liệu phản ánh tổng số các tội XPSH đã xảy ra và số lượng người thực hiện vi phạm XPSH trên địa bàn tỉnh trong thời gian này. Đánh giá chính xác mức độ của tình hình các tội XPSH được thể hiện thông qua số lượng các tội XPSH và người phạm tội XPSH đã bị xét

xử bằng một bản án kết tội của Tòa án có trong thống kê hình sự (tội phạm rõ) và số lượng các tội XPSH đã xảy ra mà chưa bị phát hiện, chưa bị xử lý, chưa có thống kê hình sự (tội phạm ẩn). Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài tác giả tập trung nghiên cứu hai mức độ: tổng quan tuyệt đối và tổng quan tương đối.

- Mức độ tổng quan tuyệt đối (*Bảng 2.1 – Phần phụ lục*)

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017, tổng số vụ án xét xử hình sự là :15.316 vụ với 29.928 bị cáo, trong đó có 5.415 vụ với 8.328 bị cáo phạm các tội XPSH. Trong đó, xảy ra nhiều nhất là năm 2013 với 1.166 vụ với 1.927 bị cáo

Nhìn vào thông số này ta thấy được rằng, tình hình các tội XPSH tăng giảm không đều qua từng năm, tuy nhiên vẫn chiếm tỷ lệ khá cao so với tình hình tội phạm tỉnh Đồng Nai, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội và sự phát triển của tỉnh Đồng Nai. Năm 2017 số vụ giảm thấp nhất 898 vụ với 1.227 bị cáo, tuy nhiên vẫn chiếm tỷ lệ khá cao so với tình hình tội phạm tỉnh Đồng Nai, chiếm 29,92% số vụ. (*Bảng 2.2 – Phần phụ lục*)

- Mức độ tổng quan tương đối (*Bảng 2.3 – Phần phụ lục*)

Phân tích thực trạng của tình hình tội phạm dựa trên cơ sở của tình hình tội phạm, tức là mối tương quan của số lượng các tội phạm đã thực hiện với số lượng dân cư tính trên 100.000 người đối với một đơn vị hành chính trong thời gian là một năm.

Qua bảng 2.3 thể hiện cơ sở của tội phạm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và cơ sở các tội xâm phạm sở hữu. Trung bình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cứ 100.000 người thì có 182 người phạm tội và 57 người phạm tội xâm phạm sở hữu. Cơ sở phạm tội nói chung trên địa bàn tỉnh và cơ sở tội xâm phạm sở hữu có xu hướng giảm qua từng năm. Năm 2013 cơ sở tội xâm phạm sở hữu là 69,50 người thì đến năm 2017 đã giảm còn 37,18 người. Tuy nhiên cơ sở này vẫn khá cao trong cơ sở tội phạm nói chung trên địa bàn tỉnh.

b) Mức độ hành vi (*Bảng 2.4 – Phần phụ lục*)

Các tội về XPSH bao gồm 13 tội danh, tuy nhiên thực tế nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017 thì chỉ có 11 tội danh, bao gồm: Tội cướp tài sản (Điều 133), Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134), Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135), Tội cướp giết tài sản (Điều 136), Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137), Tội trộm cắp tài sản (Điều 138), Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139), Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140), Tội chiếm giữ trái phép tài sản (Điều 141), Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143), Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 145).

Qua thống kê cho thấy (Bảng 2.4) các loại tội XPSH thì tội trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ cao nhất với 65,06%, trong thời gian 05 năm từ 2013 đến 2017 xảy ra 3.523 vụ, tiếp đến là tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản chiếm 10,36% (05 năm xảy ra 561 vụ), tội cướp tài sản có 348 vụ trong 05 năm chiếm 6,43%. Bảng 2.4 cũng cho thấy trong thời gian 05 năm không xảy ra vụ án nào với tội sử dụng trái phép tài sản và tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước.

2.1.2.2. Diễn biến của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013 – 2017. (Bảng 2.5 – Phần phụ lục)

Diễn biến của tình hình tội phạm là sự vận động và sự thay đổi của thực trạng và cơ cấu của tình hình tội phạm trong một khoảng thời gian nhất định (một năm, hai năm, ba năm, năm năm, mười năm...) [55, tr. 64].

Sự thay đổi này được xác định bằng tỷ lệ tăng hoặc giảm về thực trạng, cơ cấu tình hình tội phạm so với thời gian được chọn làm gốc so sánh, đối chiếu.

Như vậy, diễn biến của tình hình các tội xâm phạm sở hữu là sự phản ánh xu hướng tăng, giảm hoặc ổn định tương đối của tỉnh Đồng Nai trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2017.

Qua bảng 2.5 cho thấy: nếu lấy năm 2013 làm gốc, tức tỷ lệ về số vụ án và số bị cáo là 100% thì qua hàng năm, các tỷ lệ này có xu hướng giảm không đều. Năm 2014 giảm với 96,31% số vụ và 92,99% số bị cáo, năm 2015 tăng hơn so với 2014 nhưng vẫn giảm so với năm 2013 với 99,31% số vụ và 96,67% số bị cáo. Năm 2016

giảm với 91,74% về số vụ và 78,82% số bị cáo. Đến năm 2017 giảm còn 77,01% về số vụ và 63,67% số bị cáo.

Như vậy, diễn biến của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai diễn biến theo chiều hướng giảm không đều qua từng năm, tuy nhiên số vụ án vẫn chiếm tỷ lệ khá cao và phức tạp gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, phát triển kinh tế xã hội. Trong những năm qua các cơ quan, đoàn thể, chính quyền tỉnh Đồng Nai luôn quan tâm phòng chống với các tội xâm phạm sở hữu, dần bước loại trừ tình hình tội phạm nói chung, các tội xâm phạm sở hữu nói riêng ra khỏi đời sống xã hội.

2.1.2.3. Cơ cấu của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

a) Cơ cấu theo đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Đồng Nai (*Bảng 2.6, Bảng 2.7 và Bảng 2.8 – Phần phụ lục*)

Cơ cấu theo đơn vị hành chính – lãnh thổ của THPT trong tội phạm học hoặc khái niệm “địa lý tội phạm”, tất cả đều nói về tính phụ thuộc của THPT vào các yếu tố riêng biệt của môi trường tự nhiên – xã hội, kinh tế, văn hóa, giáo dục, tư tưởng, tập quán, truyền thống ... của một đơn vị hành chính lãnh thổ. Tội phạm học Việt Nam đã đưa ra phương pháp xác định chuyên biệt để xác định cấp độ nguy hiểm của THPT theo đơn vị hành chính – lãnh thổ. [56, tr. 60- 65]

Để xác định tính nghiêm trọng của tình hình tội phạm ở 11 đơn vị hành chính của tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 2013 – 2017. Tác giả dùng phương pháp đánh giá trên cơ sở tổ hợp 3 yếu tố: số bị cáo; số dân cư ở từng địa bàn và diện tích tự nhiên

Bảng 2.6 là phương pháp tính căn cứ vào số dân trên một bị cáo của từng đơn vị hành chính cấp huyện. Nếu số dân trên một bị cáo càng thấp thì mức độ phạm tội ở đơn vị hành chính ấy càng cao. Địa phương có mức độ phạm các tội xâm phạm sở hữu cao nhất là huyện Nhơn Trạch với số dân trên bị cáo là 261,1. Thứ hai là huyện Long Thành với số dân trên bị cáo là 333,3. Mức độ phạm các tội xâm phạm sở hữu tiếp theo là các huyện Xuân Lộc, huyện Định Quán, thành phố Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom, huyện Cẩm Mỹ với số dân trên bị

cáo lần lượt là 353,8; 362,4; 429,4; 441,4; 459,3; 461,3. Huyện Tân Phú với số dân trên bị cáo là 501,5, huyện Thống Nhất là 527,1 và thấp nhất là Thị xã Long Khánh với số dân trên bị cáo là 562,0.

Bảng 2.7 là phương pháp tính diện tích và số bị cáo phân theo từng đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Qua phân tích cho thấy số bị cáo trên diện tích tự nhiên cao nhất là thành phố Biên Hòa với 9,971 bị cáo trên 1km². Tiếp theo sau là huyện Trảng Bom, thị xã Long Khánh, huyện Nhơn Trạch, huyện Long Thành, huyện Thống Nhất, huyện Xuân Lộc, huyện Cẩm Mỹ, huyện Định Quán và thấp nhất là hai huyện Tân Phú và huyện Vĩnh Cửu.

Bảng 2.8 được tính dựa trên bảng 2.6 và 2.7. hệ số tiêu cực ở cột C là tổng thứ bậc đã xét theo bảng 2.6 và 2.7. Hệ số tiêu cực càng thấp thì cấp độ nguy hiểm càng cao. Như vậy xét theo cấp độ nguy hiểm thì huyện Nhơn Trạch có cấp độ nguy hiểm cao nhất, sau đó là thành phố Biên Hòa và cuối cùng là huyện Tân Phú.

b) Cơ cấu theo phương thức thực hiện tội phạm

Mô hình đầy đủ của một hành vi phạm tội cố ý bao gồm 3 bước: Bước một là chuẩn bị, bước 2 là thực hiện và bước 3 là che giấu hành vi phạm tội [23, tr. 33].

Cơ cấu theo phương thức thực hiện tội phạm có ý nghĩa rất quan trọng, qua đó thể hiện tính chất của tình hình các tội xâm phạm sở hữu.

Qua bảng 2.9 cho thấy các bước thực hiện hành vi phạm tội bao gồm 5 vụ với 9 bị cáo thực hiện một bước, có tới 72 vụ với 119 bị cáo thực hiện hai bước và có 22 vụ với 40 bị cáo thực hiện ba bước. Như vậy các đối tượng phạm các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đa số thực hiện theo phương thức có chuẩn bị từ trước và thực hiện hành vi phạm tội. (*Bảng 2.9 - Phần phụ lục*)

Phương thức thực hiện tội phạm đối với các tội xâm phạm sở hữu đa số có sự chuẩn bị và sau đó thực hiện hành vi. Để hiểu rõ hơn trong các bước thực hiện này ta tìm hiểu về công cụ gây án, về thời gian gây án, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, phương tiện gây án và những thiệt hại do tội phạm gây ra được thể hiện như sau:

Bảng 2.10 cơ cấu xét theo công cụ gây án cho thấy các đối tượng trộm cắp tài sản sử dụng các loại mấu chìa khóa, van phá khóa, các dụng cụ tự chế để trộm cắp tài sản, sử dụng dao, kiếm, mã tấu... để cướp, cướp giật tài sản. Như vậy thấy rằng các đối tượng phạm các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có sự chuẩn bị các dụng cụ để thực hiện hành vi phạm tội. (Bảng 2.10 – Phần phụ lục)

Qua bảng 2.11 cho thấy thời gian gây án tập trung vào thời gian từ 00 giờ đến 6 giờ và từ 12 giờ đến 18 giờ. Trong khoảng thời gian này các đối tượng lợi dụng thời gian khi mọi người đang ngủ để trộm cắp tài sản. (Bảng 2.11 – Phần phụ lục)

Bảng 2.12 cơ cấu xét theo địa điểm thực hiện hành vi phạm tội cho thấy các vụ án xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được thực hiện tại nhà bị hại và trên các đoạn đường vắng để chiếm đoạt tài sản chiếm đa số. (Bảng 2.12 – Phần phụ lục)

Bảng 2.13 cho thấy các đối tượng gây án sử dụng phương tiện xe mô tô, xe gắn máy để thực hiện hành vi phạm tội với tỷ lệ 42% trong 100 bản án được lựa chọn phân tích (Bảng 2.13 – Phần phụ lục). Việc này là phù hợp với các tội xâm phạm sở hữu như trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản, vì các đối tượng sử dụng phương tiện mô tô, xe gắn máy phân khối lớn làm phương tiện trộm cướp hoặc cướp giật và tẩu thoát nên đường phố là nơi dễ dàng tẩu thoát, và đường phố là nơi tập trung nhiều người tham gia giao thông nên phát sinh nhiều cơ hội để thực hiện hành vi phạm tội.

c) Cơ cấu theo chế tài đã áp dụng

Cơ cấu này là cơ sở để nhận xét về tính chất của THTP và nó được xác định trên cơ sở số liệu thống kê của Tòa án. Kết quả thống kê cho thấy; hình phạt dưới 03 năm tù chiếm tỷ lệ cao nhất 61,31% tổng số bị cáo. Kế đến là án treo, cải tạo không giam giữ chiếm 17,86%. Hình phạt từ 03 năm đến dưới 07 năm chiếm tỷ lệ 11,31% tổng số bị cáo, phạt từ 07 năm đến dưới 15 năm tù chiếm tỷ lệ 4,17% tổng số bị cáo. Qua phân tích trên cho thấy tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa

bàn tỉnh Đồng Nai là rất nghiêm trọng với hình phạt tù chiếm tỷ lệ rất cao. (Bảng 2.14 – Phần phụ lục)

d) Cơ cấu theo các đặc điểm nhân thân người phạm tội

Các đặc điểm nhân thân người phạm tội là một trong những yếu tố thể hiện nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung, tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng. Thông qua đặc điểm nhân thân này có thể góp phần lý giải về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu xảy ra. Tìm hiểu đặc điểm nhân thân người phạm tội bao gồm đặc điểm tự nhiên, đặc điểm xã hội, đặc điểm hành vi phạm tội.

- Đặc điểm tự nhiên

+ Đặc điểm độ tuổi, giới tính

Bảng 2.15 cho thấy, tỷ lệ người phạm các tội xâm phạm sở hữu có độ tuổi từ đủ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi là cao nhất 99 bị cáo (chiếm 58,93%), độ tuổi này chưa có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống, trong khi môi trường xã hội phức tạp thường xuyên tác động đến họ, các nhu cầu cá nhân cao, cám dỗ vật chất lớn và các yếu tố xã hội ảnh hưởng làm hình thành suy nghĩ tiêu cực. Số bị cáo phạm tội có độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi có 29 bị cáo (chiếm 17,26%). Số bị cáo phạm tội có độ tuổi từ đủ 30 tuổi đến dưới 45 tuổi có 25 bị cáo (chiếm 14,88%). Số bị cáo phạm tội có độ tuổi từ đủ 45 tuổi đến dưới 60 tuổi có 13 bị cáo (chiếm 7,73%). Số bị cáo phạm tội có độ tuổi 60 tuổi trở lên có tỷ lệ không đáng kể, 2 bị cáo (chiếm 1,19%). (Bảng 2.15 – Phần phụ lục)

Cơ cấu xét theo giới tính của bị cáo được thể hiện như sau: Có tới 139 bị cáo có giới tính nam chiếm 82,74% và có 29 bị cáo giới tính nữ chiếm 17,26%. Các tội xâm phạm sở hữu thường được thực hiện với nam giới. Điều này phù hợp bởi qua các tội như trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản nam giới là người có khả năng thực hiện. (Bảng 2.16 – Phần phụ lục)

+ Đặc điểm về nơi cư trú, tôn giáo, tín ngưỡng

Bảng 2.17 cho thấy bị cáo tạm trú chiếm tỷ lệ cao nhất 118 bị cáo với 70,24%, bị cáo thường trú 39 bị cáo chiếm 23,21% và sống lang thang gồm 11 bị

cáo chiếm 6.65%. Các bị cáo tập trung nhiều ở thành phố Biên Hòa và sống tạm trú, đây là một trong những thành phố phát triển nhất cả nước vì vậy thu hút nhiều nguồn lao động, bên cạnh đó số lượng bị cáo sống tạm trú phạm các tội xâm phạm sở hữu chiếm tỷ lệ cao. (Bảng 2.17 – Phần phụ lục)

Bảng 2.18 cơ cấu xét theo tôn giáo, tín ngưỡng. Có tới 129 bị cáo không theo tôn giáo phạm tội với 76,79% và 39 bị cáo có tôn giáo với 23,21%.

- Đặc điểm xã hội

+ Đặc điểm trình độ văn hóa

Bảng 2.19 cho thấy người phạm các tội xâm phạm sở hữu đa số có trình độ Tiểu học và Trung học cơ sở với 59 bị cáo với chiếm 35,12% và 67 bị cáo với 39,89%. Do có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức về pháp luật và các vấn đề xã hội của đối tượng này bị hạn chế, do vậy nên họ dễ dàng bị tác động bởi yếu tố tiêu cực trong môi trường sống và dẫn đến thực hiện hành vi phạm các tội xâm phạm sở hữu. (Bảng 2.19 – Phần phụ lục)

+ Đặc điểm nghề nghiệp

Bảng 2.20 cho thấy đa số người phạm các tội xâm phạm sở hữu là những người không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định. Theo đó, số bị cáo có nghề nghiệp ổn định chỉ có 09 bị cáo (chiếm 5,06%), số bị cáo không có nghề nghiệp có 62 bị cáo với 34,83% và nghề nghiệp không ổn định có tới 107 bị cáo (chiếm 60,11%). Những đối tượng này không có thu nhập, hoặc thu nhập rất thấp và bấp bênh, có đời sống khó khăn. Do đó, để đáp ứng nhu cầu cuộc sống, cộng với bản tính lười lao động, khi gặp các tác động tiêu cực từ môi trường sống sẽ rất dễ phạm các tội xâm phạm sở hữu. (Bảng 2.20 – Phần phụ lục)

+ Đặc điểm hoàn cảnh gia đình

Bảng 2.21 cho thấy số bị cáo có gia đình không hoàn thiện là 117 bị cáo (chiếm 69,64%), trong khi số bị cáo có gia đình hoàn thiện có 51 bị cáo chiếm 30,36%.

Số bị cáo có kinh tế gia đình không thuận lợi là 147 bị cáo (chiếm 87,5%) trong khi số bị cáo có kinh tế gia đình thuận lợi chỉ có 21 bị cáo (chiếm 12,5%).

Hoàn cảnh gia đình là yếu tố có ý nghĩa rất lớn đối với việc hình thành động cơ, mục đích phạm tội và tác động trực tiếp đến cách xử sự của con người. Đa số bị cáo phạm các tội xâm phạm sở hữu đều có hoàn cảnh gia đình không hoàn thiện và kinh tế không thuận lợi. (*Bảng 2.21 – Phần phụ lục*)

+ Tình trạng hôn nhân

Bảng 2.22 cho thấy số bị cáo chưa kết hôn có 114 bị cáo (chiếm 67,86%) trong khi số bị cáo đã kết hôn chỉ có 54 bị cáo (chiếm 32,14%). (*bảng 2.22 – phần phụ lục*)

- Đặc điểm hành vi phạm tội (*Bảng 2.23 – Phần phụ lục*)

Về đặc điểm hành vi phạm tội đối với các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đa số là phạm tội lần đầu với 112 bị cáo chiếm 66,66% và bị cáo có tiền án, tiền sự là 56 bị cáo với 33,34%. Thông qua thông số trên số bị cáo phạm tội lần đầu chiếm đa số, vì vậy ta cần đề ra các biện pháp phù hợp để đạt hiệu quả.

e) Cơ cấu theo đặc điểm nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013 – 2017

Nạn nhân trong các tội xâm phạm sở hữu cũng là một trong những yếu tố là nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tùy theo từng loại tội mà cơ cấu của đặc điểm nạn nhân khác nhau. Chẳng hạn đối với tội cướp giật tài sản thì nạn nhân có giới tính nữ chiếm đa số nhiều hơn nam giới, bởi vì nữ giới thường mang nhiều trang sức và không có khả năng chống trả khi bị các đối tượng cướp giật tài sản. Ngoài ra đặc điểm nạn nhân còn có mối quan hệ với đối tượng phạm tội như trong các vụ về lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong các vụ án này, các nạn nhân tin tưởng giao tài sản cho đối tượng, quen biết với đối tượng. Hoặc trong các vụ án trộm cắp tài sản nạn nhân không bảo vệ tài sản của mình để các đối tượng có cơ hội thực hiện hành vi phạm tội.

2.1.2.4. Tính chất

Tội phạm học xem tính chất của THTP cũng là một đặc điểm định tính của THTP. Nó phản ánh mức độ nguy hiểm, mức độ nghiêm trọng khác nhau của THTP

ở từng thời gian, không gian khác nhau thông qua tương quan và tỷ lệ giữa các thành phần tạo nên cơ cấu của THTP. [46, tr.155]

Thời gian qua, tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có xu hướng giảm nhưng vẫn chiếm tỷ lệ tương đối cao so với tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự và sự phát triển của kinh tế xã hội. Tính chất của tình hình các tội xâm phạm sở hữu được thể hiện qua các nội dung sau:

Thứ nhất, về phạm vi hoạt động của các tội xâm phạm sở hữu diễn ra trên tất cả 11 huyện của tỉnh Đồng Nai, số vụ xảy ra nhiều nhất là thành phố Biên Hòa và cấp độ nguy hiểm nhất là huyện Nhơn Trạch vì đây là huyện có diện tích và số dân ít nhưng có rất nhiều đối tượng phạm các tội xâm phạm sở hữu.

Thứ hai, về thủ đoạn hoạt động phạm tội. Các đối tượng phạm các tội xâm phạm sở hữu đa số thực hiện theo hai bước đó là chuẩn bị và thực hiện hành vi phạm tội hoặc thực hiện hành vi và che dấu. Như vậy các đối tượng khi phạm tội đều có sự chuẩn bị như cách thức, phương án, công cụ, phương tiện gây án, gây thiệt hại rất lớn về tài sản của nạn nhân.

Thứ ba, về động cơ và mục đích phạm tội. Các đối tượng phạm các tội xâm phạm sở hữu đều có thói quen lười lao động, ham muốn vật chất, sai lệch về nhu cầu tài sản, muốn có tài sản bằng mọi cách vì vậy thường chọn con đường phạm các tội xâm phạm sở hữu như trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cướp giật tài sản...

2.2. Thực trạng các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013 – 2017

2.2.1. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm

2.2.1.1. Những nguyên nhân và điều kiện khách quan

a) Môi trường gia đình

Gia đình không chỉ giữ vai trò nền tảng, tế bào xã hội mà còn là môi trường quan trọng trực tiếp hình thành nhân cách con người. Qua nghiên cứu cho thấy đa số bị cáo phạm các tội xâm phạm sở hữu đều sinh trưởng trong gia đình không hoàn thiện và kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn.

Nghiên cứu đặc điểm về hoàn cảnh gia đình của 168 bị cáo phạm các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 – 2017 cho thấy: số lượng bị cáo sống trong gia đình không hoàn thiện (gia đình không có cha, không có mẹ hoặc cha mẹ ly hôn...) chiếm tỷ lệ khá cao 66,1%. (Bảng 2.21 – Phần phụ lục). Và chiếm tới 86,7% với gia đình có kinh tế khó khăn. Như vậy thấy rằng môi trường gia đình có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành nhân cách của mỗi cá nhân hiện nay trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Cha mẹ không hoàn thiện, không quan tâm tới trẻ là nguyên nhân trực tiếp mà trẻ hình thành như coi thường giá trị đạo đức, coi thường pháp luật. Và gia đình có kinh tế khó khăn mà cha mẹ không quan tâm sẽ dẫn đến hình thành trong trẻ có sai lệch nhu cầu tài sản từ đó thực hiện các tội xâm phạm sở hữu.

Điển hình như vụ án Nguyễn Doãn T sinh năm 1985 tại Nghệ An có cha là Nguyễn Doãn N (đã chết) và mẹ là Nguyễn Thị M sinh năm 1953. Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, gia đình gặp nhiều khó khăn về kinh tế, mẹ đi làm xa không quan tâm đến bị cáo. Vào lúc 22 giờ 00 phút ngày 02/5/2017, trường Cảnh sát VI thuộc ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành phát hiện đối tượng Nguyễn Doãn T đột nhập trái phép vào trường nên bắt giữ và giao cho cơ quan Công an xử lý. Tại cơ quan công an huyện Long Thành, Nguyễn Doãn T khai nhận: Bị cáo trước đây làm thuê tại xưởng gỗ của anh Trần Quốc T thuộc ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, buổi tối Nguyễn Doãn T ngủ tại xưởng gỗ. Vì muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng giữa tháng 4/2017 lợi dụng lúc đêm tối không có người trông coi gỗ, Nguyễn Doãn T vào kho gỗ của anh Trần Quốc T lấy trộm 17 đoạn gỗ Đò hình trụ với nhiều kích thước khác nhau. Cùng với thủ đoạn trên bị cáo lấy trộm 15 đoạn gỗ Đò và 06 đoạn gỗ Cẩm Lai. Lúc 22 giờ ngày 02/5/2017 bị cáo đến lấy gỗ Cẩm Lai còn lại thì bị phát hiện và bắt giữ. Tại kết luận định giá tài sản số 34/KL. ĐGTSTT ngày 11/5/2017, Hội đồng định giá tài sản tố tụng huyện Long Thành kết luận: Tài sản chiếm đoạt lần thứ nhất 17 đoạn gỗ Đò có giá trị 4.505.000 đồng, tài sản chiếm đoạt lần thứ hai 15 đoạn gỗ Đò và 06 đoạn gỗ Cẩm Lai có giá trị 7.335.000 đồng. Tổng cộng 11.840.000 đồng.

(Bản án số 108/2017/HSST ngày 20/9/2017 của tòa án nhân dân huyện Long Thành)

b) Môi trường giáo dục

Môi trường nhà trường có vai trò quan trọng trong việc rèn luyện và hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân. Tuy nhiên hiện nay vẫn còn tồn tại một số yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhà trường từ đó ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách của cá nhân. Chương trình giáo dục còn nặng về kiến thức, thiếu rèn luyện kỹ năng sống, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình từ đó các em học sinh có tâm lý chán nản và thường vào những tiệm internet, game online, bida... mà không đến lớp học. Từ đó bỏ học, có nhu cầu về tài sản để thỏa mãn bản thân và từ đó thực hiện các tội xâm phạm sở hữu như trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản, cướp tài sản...

Nghiên cứu về cơ cấu theo trình độ văn hóa của bị cáo đối với 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017 thì trong 168 bị cáo có tới 59 bị cáo có trình độ văn hóa tiểu học chiếm 35,12% và trình độ trung học cơ sở 67 bị cáo chiếm 39,89% thực hiện các tội phạm xâm phạm sở hữu.

Diễn hình như vụ án: bị cáo là Nguyễn Minh Tr, sinh năm 198X tại tỉnh Đồng Nai, trình độ học vấn: 7/12. Nguyễn Minh Tr đang học lớp 7 nhưng thường xuyên bỏ học và học đến lớp 7 thì Tr nghỉ học ở nhà không có công việc. Vào khoảng 12 giờ ngày 18/4/2017, Nguyễn Minh Tr đi bộ đến quán bi da Ú, lấy xe mô tô biển kiểm soát 52P6-68XX của bà Nguyễn Thị Ái L rồi đi vào khu Công nghiệp D trên đường ĐT 769. Đang đi trên đường Tr phát hiện chị Trần Thị Cẩm T, sinh năm 199X đang dừng xe bên lề đường nghe điện thoại. Thấy đoạn đường vắng người, Tr quay đầu xe vòng trở lại áp sát chị T và giật lấy điện thoại di động Oppo A33 của chị T rồi điều khiển xe mô tô chạy vào đường nội bộ Khu công nghiệp, chị T kêu cứu. Ngày lúc đó có anh Nguyễn Thanh M và Trương Minh G đang ngồi uống nước ở quán bên đường đuổi theo bắt giữ Tr.

(Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2017/HSTT ngày 29/8/2017 của tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai)

d) Môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội vĩ mô

Cùng với sự phát triển của cả nước, tỉnh Đồng Nai phát triển về mọi mặt kinh tế, xã hội, văn hóa. Tuy nhiên dưới tác động của nền kinh tế thị trường tạo nên một số yếu tố tiêu cực cũng là nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu như: đời sống của một số bộ phận dân cư tại các huyện còn gặp nhiều khó khăn, sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội, một số bộ phận không có việc làm, nhiều người đã sa ngã vào con đường vi phạm pháp luật.

Việc thực hiện các chính sách xã hội còn nhiều bất cập, thiếu sót trong thực hiện chính sách về đào tạo nghề, xóa đói giảm nghèo còn hạn chế dẫn đến phát sinh các tội xâm phạm sở hữu.

Công tác quản lý xã hội còn nhiều thiếu sót như công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý vũ khí, quản lý cơ sở kinh doanh... còn nhiều hạn chế. Cùng với đó công tác tuyên truyền pháp luật đến người dân về phòng ngừa, phương thức thủ đoạn các tội xâm phạm sở hữu chưa đạt hiệu quả cao.

2.2.1.2. Những nguyên nhân và điều kiện chủ quan

Thứ nhất, hạn chế về ý thức pháp luật cá nhân, khả năng kiểm chế và kiểm soát hành vi.

Những yếu tố môi trường sống tác động qua lại với những yếu tố tâm, sinh lý của cá nhân người phạm tội sẽ hình thành những phẩm chất cá nhân tiêu cực trong bản thân mỗi con người. Trong quá trình tương tác nhập tâm thì những nguyên nhân và điều kiện chủ quan tồn tại bên trong mỗi cá nhân như hạn chế về ý thức pháp luật, khả năng kiểm chế và kiểm soát hành vi. Cá nhân sẽ không nhận thức được đâu là hành động hợp pháp và không hợp pháp hoặc coi thường các quy định của pháp luật dẫn đến thể hiện hành vi phạm tội trong quá trình tương tác xuất tâm. Cá nhân có nhận thức méo mó, thiếu kiểm chế dẫn đến hành vi phạm tội và biểu hiện tập trung ở những người phạm tội lần đầu. Trong số 168 bị cáo thì có tới 112 bị cáo

phạm tội lần đầu chiếm 66,6% và có 56 bị cáo có tiền án, tiền sự chiếm 33,4% (Bảng 2.24 - Phần phụ lục)

Thứ hai, sai lệch về nhu cầu và cách thỏa mãn nhu cầu.

Nhu cầu về tài sản là nhu cầu cần thiết của mỗi cá nhân. Mỗi cá nhân đều có nhu cầu và mong muốn sở hữu đối với tài sản. Tuy nhiên, các tội phạm xâm phạm sở hữu có sự nhận thức sai lệch về nhu cầu đó, nhu cầu này không phù hợp với bản thân họ. Khi đã có nhu cầu về tài sản, thay vì lao động, làm việc để thỏa mãn nhu cầu thì các tội phạm xâm phạm sở hữu sẽ chọn con đường phạm tội. Đây là sự sai lệch trong thỏa mãn nhu cầu về tài sản.

Thứ ba, là việc xem thường các chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực pháp luật.

Các chuẩn mực như đạo đức, pháp luật cần được con người tuân thủ. Một người đã thực hiện hành vi phạm các tội xâm phạm sở hữu thì người đó trước hết đã coi thường các chuẩn mực đạo đức. Mặt khác, quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Chủ thể của hành vi phạm các tội xâm phạm sở hữu có những sai lệch này do nhiều yếu tố khách quan, do nhận thức chưa đúng về những chuẩn mực đạo đức và ứng xử trong đời sống xã hội, trong đó có chuẩn mực về tôn trọng quyền sở hữu tài sản. Những sai lệch này kết hợp với sai lệch về ý thức pháp luật, sự khó khăn trong kinh tế, sự thiếu hụt tình cảm đã dẫn đến hình thành ý thức thực hiện hành vi phạm tội. Về chủ quan, chủ thể hành vi phạm tội có nhận thức áp đặt rằng họ có quyền được xâm phạm quyền sở hữu của người khác và được biện minh bằng nhiều lý do như gia đình nghèo khó để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Những sai lệch thuộc về ý thức cá nhân người phạm tội đã dẫn đến hình thành sai lệch trong quá trình động cơ hóa hành vi.

2.2.2. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác xuất tâm

2.2.2.1. Những nguyên nhân và điều kiện chủ quan

Nếu quá trình nhập tâm kéo dài từ khi con người được sinh ra cho đến khi có động cơ phạm tội, quá trình này chỉ diễn ra trong đầu óc con người thì quá trình tương tác xuất tâm bao gồm khâu kế hoạch hóa và thực hiện hóa hành vi phạm tội. Do đó, nguyên nhân và điều kiện chủ quan trong quá trình tương tác xuất tâm của

tình hình các tội XPSH là sự kiên quyết của chủ thể hành vi phạm tội. Như đã phân tích ở trên, các đối tượng phạm các tội xâm phạm sở hữu đa số thực hiện hành vi phạm tội có sự chuẩn bị, có sự tính toán từ trước. Điều này thể hiện các đối tượng kiên quyết trong quá trình thực hiện hành vi. Do đó, bên cạnh tập trung biện pháp phòng ngừa đối với quá trình tương tác nhập tâm thì cũng cần đưa ra biện pháp ngăn chặn tội phạm từ khi các đối tượng thực hiện chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội.

2.2.2.2. Những nguyên nhân và điều kiện khách quan

- Do yếu tố nạn nhân

Nạn nhân trong các tội xâm phạm sở hữu cũng thường mắc lỗi để đối tượng thực hiện hành vi phạm tội. Nạn nhân là nữ giới sẽ dễ dàng trở thành nạn nhân của đối tượng hơn nam giới trong các vụ án về cướp giật tài sản. Nạn nhân trong các vụ án về trộm cắp tài sản thường có sơ hở trong quản lý tài sản của mình để đối tượng phạm tội có cơ hội thực hiện. Hoặc nạn nhân và đối tượng có quen biết nhau trong các vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Diễn hình trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xảy ra ngày 10/3/2017 tại xã Hố Nai, huyện Trảng Bom. Đối tượng là Lê Quang Trục sinh năm 1987, thường trú tại ấp Thanh Hóa, xã Hố Nai huyện Trảng Bom. Vào lúc 19 giờ, ngày 10/3/2017, tại quán cà phê Thư Giãn ở ấp Thanh Hóa, xã Hố Nai 3, Lê Quang Trục đã mượn xe mô tô biển kiểm soát 60B8 19509 của anh Hoàng Thiên Tài để đi công việc, sau đó Trục nảy sinh ý định chiếm đoạt, nên đã bán chiếc xe trên cho anh Vũ Văn Sửu với giá 1000.000 đồng để tiêu xài. Tiếp đến, vào lúc 16 giờ, ngày 24/3/2017, Trục đến quán cà phê Việt tại ấp Thanh Hóa mượn điện thoại Samsung J7 của anh Phạm Minh Thái để chơi điện tử. Sau đó, lợi dụng anh Thái đi vào trong, Trục liền lấy điện thoại của anh Thái đi bán với số tiền 2,4 triệu đồng.

Như vậy, nạn nhân trong các tội xâm phạm sở hữu có quan hệ quen biết với đối tượng phạm tội.

- Yếu tố bên ngoài từ môi trường sống.

Bên cạnh nguyên nhân và điều kiện khách quan là yếu tố nạn nhân thì yếu tố từ môi trường sống cũng là nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu. Nạn nhân cùng với các tình huống (thời gian và địa điểm) cụ thể sẽ thúc đẩy, tạo điều kiện cho đối tượng thực hiện hành vi phạm tội.

Trong các tội xâm phạm sở hữu, chính các tình huống cụ thể sẽ tạo điều kiện, thúc đẩy các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội. Chẳng hạn như trong các vụ cướp tài sản, cướp giật tài sản thường xảy ra ở những nơi vắng vẻ, ít người qua lại sẽ tạo điều kiện cho đối tượng thực hiện hành vi phạm tội. Trong các vụ trộm cắp tài sản thì đối tượng thường thực hiện vào thời gian ban đêm, khi chủ tài sản mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản và đối tượng có thể dễ dàng tẩu thoát vào thời gian đó. Qua bảng 2.11 có thể thấy thời gian các đối tượng gây án là sau 18 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau, trong tổng số 100 bản án hình sự sơ thẩm được nghiên cứu thì có đến 62 vụ thực hiện trong thời gian như trên.

Địa điểm gây án cũng là yếu tố ảnh hưởng đến tình hình các tội xâm phạm sở hữu. Qua bảng 2.8 về cấp độ nguy hiểm cho thấy, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thì huyện Nhơn Trạch có cấp độ nguy hiểm rất cao, điều này được lý giải đó là huyện Nhơn Trạch có diện tích nhỏ, số dân ít. Tuy nhiên đây là huyện có số dân trên bị cáo rất cao bởi vì huyện Nhơn Trạch là huyện giáp ranh với tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy các đối tượng khi phạm tội có thể dễ dàng tẩu thoát bằng các phương tiện khác nhau qua tỉnh khác. Điều này gây khó khăn cho công tác điều tra, bắt giữ tội phạm cũng như công tác phòng ngừa đạt hiệu quả chưa cao.

Yếu tố bên ngoài từ môi trường sống còn được thể hiện trong một số vụ án như cướp tài sản, cướp giật sản khi một số người dân có tâm lý e ngại, vô cảm khi chứng kiến các vụ án xảy ra nhưng thờ ơ hoặc không dám can thiệp vì sợ bị trả thù hoặc không hợp tác với cơ quan chức năng để truy tìm đối tượng gây án. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Đồng Nai diễn ra thực trạng đó là một số người có tâm lý háms lợi, thích mua tài sản giá rẻ mở các tiệm cầm đồ, cửa hàng kinh doanh trái quy định của pháp luật.

- Yếu tố từ các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng còn nhiều hạn chế:

Qua công tác thực hiện chức năng bảo vệ an ninh trật tự của một số cơ quan nhà nước, nhất là cơ quan Công an chưa thực hiện đảm bảo chức năng nhiệm vụ của mình. Công tác tuần tra kiểm soát công khi chưa được thường xuyên ở những tuyến đường vắng hay vào thời gian ban đêm. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ với các lực lượng khác trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân trong việc bảo vệ tài sản, tuyên truyền các quy định của pháp luật đến người dân chưa hiệu quả.

2.3. Thực trạng làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thông qua chủ thể phòng, chống tội phạm

Đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm XPSH nói riêng là nhiệm vụ của mỗi cá nhân, cơ quan, các tổ chức và của toàn xã hội. Như vậy thấy rằng đây là nhiệm vụ rất quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển của toàn xã hội mà mỗi cá nhân, tổ chức đều có trách nhiệm và nghĩa vụ phải thực hiện, trong đó các chủ thể phòng chống tội phạm phải là chủ thể trực tiếp được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong những năm qua, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai công tác phòng, chống tội phạm đã đạt được những hiệu quả nhất định, đưa kinh tế, xã hội ngày càng phát triển. Bên cạnh những kết quả đó, chủ thể phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm XPSH nói riêng còn một số những hạn chế nhất định thông qua công tác của các chủ thể: cơ quan Công an, cơ quan Kiểm sát, cơ quan Tòa án.

- Đối với cơ quan Công an. Đây lực lượng nòng cốt, chủ công trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Qua công tác thực tiễn, lực lượng Công an luôn tiên phong trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh trật tự, giảm hậu quả của tình hình tội phạm gây ra. Tuy nhiên, cũng qua công tác đó còn một số những thiếu sót như:

Công tác tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác tội phạm còn nhiều hạn chế, bất cập khi một số cán bộ chưa tiếp nhận tin báo một cách đầy đủ, trong quá trình tiếp nhận chưa làm đúng trách nhiệm.

Công tác tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn quần chúng nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, chưa có hình thức phong phú, phù hợp với quần chúng nhân dân. Đặc biệt một số địa bàn là vùng sâu, vùng xa hay những nơi có công nhân ở nhưng không quản lý tốt nên công tác tuyên truyền còn tồn tại những hạn chế nhất định.

Công tác phòng ngừa chưa đảm bảo, tại những nơi như nhà trọ, khu công nghiệp vẫn xảy ra các vụ như cướp tài sản, cướp giật tài sản, các biện pháp phòng ngừa chưa thực sự phù hợp với địa bàn.

- Đối với cơ quan Viện kiểm sát. Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp do pháp luật quy định. Bên cạnh những kết quả đã đạt được như thực hiện công tác xét xử đảm bảo đúng quy định pháp luật, xử lý đúng người đúng tội... thì còn bộc lộ một số hạn chế như:

Chưa chú ý đến các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, các tội phạm xâm phạm sở hữu nói riêng.

Một số ít kiểm sát viên khi thực hiện công tác có tinh thần, thái độ, trách nhiệm chưa cao, trong công tác chưa tập trung nghiên cứu hồ sơ, bồi dưỡng nâng cao năng lực trong công tác.

- Đối với cơ quan Tòa án. Là một trong những cơ quan tư pháp, tòa án có vai trò rất quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm thông qua công tác xét xử. Thực tiễn công tác, tòa án đã thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn của mình góp phần trong công tác xử lý tội phạm nghiêm minh. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: Đội ngũ thẩm phán có chất lượng không đồng đều, một số thẩm phán chưa tập trung nghiên cứu hồ sơ vụ án, trình độ pháp luật còn hạn chế, chưa tập trung bồi dưỡng nâng cao năng lực trong công tác.

Kết luận Chương 2

Trong chương 2, tác giả đã trình bày thực trạng nhận thức làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh

Đồng Nai, thực trạng các nguyên nhân và điều kiện cụ thể và thực trạng làm sáng tỏ nguyên nhân và điều kiện thông qua các chủ thể phòng, chống tội phạm. Qua nghiên cứu những nội dung trên cho thấy:

Tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 2013 -2017 diễn biến khá phức tạp, chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số vụ xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, từ năm 2013 – 2017 chiếm 35,36% số vụ án xảy ra. Các đối tượng phạm tội đa số là nam giới, có trình độ học vấn thấp, có gia đình không hoàn thiện và khó khăn về kinh tế, có độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi. Các đối tượng không có công việc hoặc công việc không ổn định.

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình trên xuất phát từ yếu tố tiêu cực từ môi trường gia đình, môi trường giáo dục, môi trường xã hội. Bên cạnh đó các yếu tố tiêu cực trong sự phát triển kinh tế - xã hội khiến một bộ không nhỏ người dân gặp khó khăn, thất nghiệp; công tác tuyên truyền pháp luật chưa đạt hiệu quả, quản lý các lĩnh vực có liên quan đến an ninh trật tự còn lỏng lẻo, tạo điều kiện cho loại tội phạm này phát sinh

Xác định đúng nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cơ sở quan trọng để dự báo được tình hình tội phạm biến động trong tương lai, từ đó chủ động xây dựng các giải pháp đấu tranh phòng, chống có hiệu quả trong thời gian tới.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP LOẠI TRỪ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI

3.1. Tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong phòng ngừa tình hình tội phạm này

3.1.1. Đối với cơ quan chuyên trách

Phòng ngừa tội phạm là hoạt động chung của toàn xã hội. Trong đó các cơ quan chuyên trách có vai trò rất quan trọng, là cơ quan trực tiếp tiến hành các hoạt động cụ thể dựa theo chức năng, thẩm quyền được pháp luật quy định. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Đồng Nai các cơ quan chuyên trách luôn thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn của mình trong công tác. Tuy nhiên để thực hiện tốt hơn nữa, vấn đề tăng cường nhận thức về tình hình tội phạm nói chung và nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu nói riêng cần được nâng cao hơn nữa trong giai đoạn hiện nay. Đối với cơ quan chuyên trách để tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cần thực hiện một số nội dung sau:

Tăng cường công tác giáo dục về chính trị, tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ cơ quan chuyên trách như : Công an, Tòa án, Viện kiểm sát... Bên cạnh công tác giáo dục về tư tưởng chính trị cho đội ngũ cán bộ cơ quan chuyên trách thì để tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cần bồi dưỡng về trình độ chuyên môn. Nhận thức được nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung, các tội xâm phạm sở hữu nói riêng sẽ góp phần phục vụ công tác đạt hiệu quả

Tổ chức báo cáo chuyên đề thường xuyên, định kỳ tổ chức các đợt sơ kết. Thông qua các báo cáo chuyên đề sẽ tăng cường nhận thức đối với đội ngũ cán bộ cơ quan chuyên trách. Hoặc thông qua các đợt sơ kết, tổng kết cũng giúp cho cơ

quan chuyên trách thấy được những ưu điểm, khuyết điểm, tồn tại hạn chế trong công tác của mình để từ đó rút kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn

3.1.2. Đối với cơ quan tổ chức không chuyên trách và công dân

Quần chúng nhân dân, các tổ chức không chuyên trách cũng là yếu tố rất quan trọng trong công tác phòng ngừa tội phạm nói chung, các tội xâm phạm sở hữu nói riêng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, vấn đề đặt ra cần tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thông qua nội dung:

Thứ nhất, đối với công dân:

Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật trong quần chúng nhân dân. Tuyên truyền để quần chúng nhân dân thấy được phòng chống tội phạm vừa là quyền và nghĩa vụ trách nhiệm của bản thân, đặc biệt tuyên truyền quần chúng nắm được các phương thức thủ đoạn hoạt động của các đối tượng phạm tội, các tội xâm phạm sở hữu như cướp tài sản, cướp giật tài sản, trộm cắp... từ đó có những cách thức phòng ngừa, tự bảo vệ tài sản của mình. Giúp đỡ những đối tượng lầm lỗi để họ hòa nhập cộng đồng, tranh kì thị, phân biệt. Quan tâm, giáo dục con cái, phòng ngừa các tệ nạn xã hội xâm nhập trong cộng đồng dân cư.

Để thực hiện những nội dung trên cần sử dụng thông qua nhiều hình thức khác nhau như: Thông qua các buổi sinh hoạt của đơn vị dân cư, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền, thông qua những người có uy tín trong xã hội hoặc có thể thông qua các buổi diễn văn nghệ để tuyên truyền pháp luật, tuyên truyền nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn.

Thứ hai, đối với tổ chức không chuyên trách

Tổ chức không chuyên trách như Hội Phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn thanh niên, Mặt trận Tổ quốc... cần thấy được trách nhiệm và quyền hạn của mình trong công tác phòng, chống tội phạm, cần phải tích cực phối hợp với các cơ quan chuyên

trách trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu. Xây dựng thêm những mô hình phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa đạt hiệu quả.

3.2. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và vấn đề dự báo tình hình tội phạm này

3.2.1. Cơ sở dự báo

“Dự báo tình hình tội phạm là sự phán đoán về thực trạng, diễn biến, tính chất, của THTP có thể xảy ra trong tương lai, về các nguyên nhân và điều kiện, về các khả năng phòng chống nó trong từng giai đoạn nhất định và việc đánh giá về chất lượng của những thay đổi trong tình hình tội phạm; các nguyên nhân và điều kiện của nó”.

Dự báo THTP, về nguyên tắc là dự báo bức tranh tội phạm có thể xảy ra trong tương lai về mặt mức độ, động thái, cơ cấu cũng như những diễn biến cụ thể. Nó chính là cơ sở cho việc xây dựng các chương trình và kế hoạch phòng ngừa tội phạm trong phạm vi cả nước hay từng khu vực địa lý nhất định. [60, tr. 111]

Dưới góc độ tội phạm học thì dự báo tình hình là một phần, một bộ phận của dự báo xã hội, vì bản chất tội phạm là một hiện tượng xã hội.

Có thể thấy rằng, dự báo tình hình tội phạm là một hoạt động quan trọng và không thể thiếu khi nghiên cứu về vấn đề tội phạm đang xảy ra hiện nay. Từ công tác dự báo sẽ nắm được tình hình tội phạm xảy ra trong tương lai cũng như đề ra được các biện pháp phòng ngừa đạt hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế địa bàn.

Dự báo tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là việc đưa ra những phán đoán khoa học về khả năng diễn biến của tình hình các tội xâm phạm sở hữu (về xu hướng, mức độ, cơ cấu, phương thức hoạt động, thủ đoạn...) sẽ diễn ra trong tương lai. Việc dự báo này nhằm đề ra các giải pháp hữu hiệu nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng.

Để dự báo tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017 cần dựa trên cơ sở dự báo sau:

Thứ nhất, số liệu về tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn trong thời gian nghiên cứu từ năm 2013 đến 2017.

Thứ hai, sự biến đổi các điều kiện kinh tế - xã hội của địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thứ ba, hiệu quả hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của hệ thống tư pháp hình sự.

3.2.2. Nội dung dự báo tình hình các tội xâm phạm sở hữu

Từ đặc điểm tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và một số cơ sở dự báo đã nêu trên, tác giả đưa ra dự báo tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian tới như sau:

- Diễn biến và tính chất: Tình hình của các tội xâm phạm sở hữu diễn biến theo chiều hướng giảm về số lượng vụ án và số người phạm tội. Tuy nhiên vẫn chiếm tỷ lệ cao trong tổng số tội phạm xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trong các tội xâm phạm sở hữu thì tội trộm cắp tài sản xảy ra nhiều nhất trong các tội xâm phạm sở hữu. Tính chất phức tạp, nghiêm trọng của các tội xâm phạm sở hữu ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, sự phát triển của kinh tế, xã hội.

- Về chủ thể thực hiện tội phạm: đối tượng chủ yếu là nam giới có độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi, các đối tượng này không có nơi sinh sống ổn định, thường sống tạm trú trên địa bàn, không có nghề nghiệp, không có thu nhập hoặc thu nhập không ổn định, có trình độ học vấn thấp, sống trong gia đình không hoàn thiện và khó khăn về kinh tế, mục đích phạm tội là thỏa mãn nhu cầu vật chất, háms lợi, lười lao động.

- Về phương thức và thủ đoạn thực hiện: phương thức, thủ đoạn thực hiện các tội xâm phạm sở hữu đa số vẫn là hai bước: Bước chuẩn bị và thực hiện hành vi hoặc thực hiện và che giấu hành vi phạm tội.

- Về công cụ, phương tiện: công cụ gây án chủ yếu ở các vụ án trộm cắp tài sản đối tượng dùng các công cụ: Các loại mẩu chìa khoá, van phá khoá, tuốt nơ vít, dụng cụ tự chế; kìm cộng lực... Các vụ án cướp, cướp giật tài sản gây án với công cụ là dao, kiếm, mã tấu, búa, chai lọ thủy tinh; phương tiện xe mô tô, xe gắn máy

mà đối tượng dùng để trộm cắp, cướp tài sản và cướp giật tài sản thường sử dụng là xe máy; điện thoại di động sẽ là phương tiện liên lạc chủ yếu để thực hiện tội phạm.

- Về địa bàn gây án: Địa điểm mà tội phạm XPSH hướng vào là các khu vực tập trung đông dân cư, tập trung nhiều tài sản, chủ sở hữu ít hoặc khó khăn trong việc quản lý tài sản, chủ yếu là nhà riêng, nhà cho thuê trọ, khu vực chợ, bến tàu, bến xe, khách sạn, ký túc xá, nơi tham quan - du lịch. Như vậy, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai các tội xâm phạm sở hữu xảy ra vẫn chủ yếu là tội trộm cắp tài sản ở thành phố Biên Hòa tập trung đông dân, các phòng trọ, những nơi có sự quản lý tài sản lỏng lẻo tạo điều kiện cho các tội xâm phạm sở hữu xảy ra.

- Về tài sản bị xâm hại phổ biến. Thiệt hại do hành vi phạm tội XPSH gây ra là thiệt hại về kinh tế, loại tài sản bị xâm hại nhiều nhất là xe máy, tiền, vàng bạc... vì đây là những tài sản phổ biến, dễ tiêu thụ trên thị trường.

Trên đây là một số nội dung sự báo về tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian tiếp theo. Những nội dung này chỉ mang tính cơ bản và khái quát nhất, hoạt động và diễn biến cụ thể còn phụ thuộc vào các yếu tố như: tình hình về kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và quần chúng nhân dân. Qua những nội dung dự báo này, các cơ quan đoàn thể, chính quyền tỉnh Đồng Nai cần đưa ra những giải pháp phòng ngừa có hiệu quả đối với tình hình các tội xâm phạm sở hữu trong thời gian tới.

3.3. Giải quyết nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu và phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu

3.3.1. Những giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm

3.3.1.1. Những giải pháp về mặt chính trị

Vận dụng quan điểm chỉ đạo được thể hiện tại Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm, qua đó những giải pháp về mặt chính trị có ý nghĩa rất quan trọng và cơ bản nhất khi giải quyết quyết nguyên nhân và điều kiện của

tình hình tội phạm. Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện nhà nước ta công nhận, tôn trọng bảo vệ và bảo đảm quyền con người, trong đó có quyền bất khả xâm phạm về sở hữu tài sản của công dân. Công dân tham gia xây dựng đất nước, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật. Như vậy để thực hiện biện pháp về mặt chính trị đạt hiệu quả cần chú ý một số vấn đề sau:

- Mỗi công dân cần tham gia công việc quản lý nhà nước và xã hội, thực hiện thông qua bầu cử và trên nguyên tắc dân chủ; bình đẳng về chính trị; thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, tình hình các tội xâm phạm sở hữu nói riêng. Đây là nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mỗi cán bộ, đảng viên, cơ quan, đoàn thể chính trị tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật để từ đó mỗi công dân thấy được quyền cũng như trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân trong công tác phòng ngừa tội phạm, phát triển đất nước

- Không ngừng đổi mới hình thức, nội dung các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo hướng chất lượng, thực chất, dân chủ từ đó góp phần xây dựng bộ máy chính quyền trong sạch.

3.3.1.2. Những giải pháp về mặt kinh tế

Biện pháp kinh tế là một trong những biện pháp quan trọng, cơ bản, thực hiện đạt hiệu quả nhằm hạn chế phát sinh tình hình tội phạm trong đó có các tội phạm xâm phạm sở hữu. Thực hiện biện pháp kinh tế cần chú trọng những vấn đề sau:

Thứ nhất, thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, giải quyết vấn đề việc làm đối với những người thất nghiệp trên địa bàn, thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh - xã hội, ổn định thu nhập cho nhân dân... Khi đời sống nhân dân được nâng cao, có công ăn việc làm ổn định từ đó công dân sẽ nhận thức được hành vi của mình, tham gia xây dựng phát triển đất nước, không bị lôi kéo thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

Thứ hai, tạo môi trường thuận lợi nhằm thu hút các nhà đầu tư trên địa bàn. Cần tạo cơ chế thông thoáng theo quy định nhằm phát huy tối đa các nhà đầu tư trong và ngoài nước, thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia phát triển kinh tế chung cho toàn tỉnh; các doanh nghiệp cần áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật; đầu tư vào các khu vực đang phát triển; hỗ trợ vay vốn, xúc tiến thương mại, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh.

3.3.1.3. Những giải pháp về mặt xã hội

Môi trường xã hội cũng là yếu tố quan trọng tác động tới tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn. Vì vậy để trong môi trường xã hội cần thực hiện một số nội dung:

- Tạo môi trường lành mạnh, nhiều chương trình, sân chơi bổ ích, phong phú, đa loại hình vui chơi, giải trí để thu hút người dân tham gia. Đặc biệt tại các khu tập trung đông dân cư cần tạo những sân chơi, mô hình phong phú, phù hợp thu hút nhiều đối tượng tham gia từ đó làm hạn chế các hình vi lệch chuẩn, hành vi vi phạm pháp luật của mỗi công dân.

- Thực hiện các chính sách xã hội, công tác phúc lợi xã hội, tạo điều kiện cho những người có hoàn cảnh khó khăn, lầm lỗi hòa nhập môi trường xã hội, hòa nhập cộng đồng, giải quyết việc làm với những người thất nghiệp. Thông qua những công tác này, chính quyền địa phương kiểm soát lực lượng lao động nhằm hạn chế tỷ lệ người không có việc làm hoặc có việc làm không ổn định. Bên cạnh phát triển tập trung các khu công nghiệp thì các vùng nông thôn cần tạo môi trường lành mạnh, tập trung phát triển các ngành nghề truyền thống tại địa phương, đầu tư trang thiết bị, từ đó có thể thu hút lực lượng lao động có trình độ học vấn thấp nhưng có tay nghề cao và lực lượng lao động nông thôn.

- Quản lý, kiểm soát chặt chẽ công dân tạm trú, lưu trú trên địa bàn, đặc biệt trong các khu công nghiệp, nhà trọ, khu sinh viên các trường đại học, đông dân cư, nhằm ngăn chặn những tệ nạn xã hội có thể ảnh hưởng tới đời sống, sinh hoạt dân cư.

3.3.1.4. Những giải pháp về mặt văn hóa – giáo dục

Biện pháp văn hóa giáo dục là một những biện pháp rất quan trọng, trực tiếp tác động đến nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm. Thực hiện biện pháp văn hóa giáo dục sẽ hướng mỗi cá nhân nhận thức được giá trị đạo đức, giá trị xã hội, giá trị văn hóa từ đó hình thành và phát triển nhân cách con người. Đồng thời, nó làm cho con người không lệch chuẩn và nâng cao ý thức pháp luật, giữ gìn truyền thống văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. thực hiện biện pháp văn hóa giáo dục, các cấp chính quyền tỉnh Đồng Nai cần thực hiện:

Giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của địa phương và dân tộc. Tiếp tục phát huy những giá trị văn hóa của địa phương phù hợp với phong tục tập quán, phát động các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ. Loại bỏ những tập tục không phù hợp, những phong tục lạc hậu cổ hủ còn tồn tại

Quản lý chặt chẽ các vấn đề liên quan đến văn hóa như: Băng đĩa, phim ảnh, sách báo... phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm như in sao đĩa lậu, lưu hành văn hóa phẩm đồi trụy, độc hại, kích động bạo lực.

Xây dựng các khu vui chơi như trung tâm văn hóa, nhà thiếu nhi, trung tâm thể dục thể thao tại địa phương, khu vui chơi cộng đồng, tổ chức các hội diễn văn nghệ phát huy giá trị văn hóa, định hướng văn hóa cho mỗi công dân

Phát huy vai trò của các môi trường như gia đình, giáo dục, bạn bè. Để tạo môi trường văn hóa giáo dục tác động tích cực đến quá trình hình thành nhân cách của cá nhân. Để làm tốt công tác giáo dục, nhà trường cần thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học trên phạm vi toàn tỉnh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thanh thiếu niên trong độ tuổi quy định được đến trường, vận động và tạo điều kiện để những học sinh bỏ học giữa chừng quay lại lớp học, nâng cao chất lượng dạy và học ở các trường, không chạy theo thành tích mà chú trọng vào chất lượng giáo dục.

Thứ hai, cần chú trọng công tác giáo dục đạo đức và kỹ năng sống cho học sinh. Nhà trường cần đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, các sân chơi

lành mạnh cho mọi lứa tuổi, sở thích của các em như mô hình đội, nhóm, câu lạc bộ, trung tâm sinh hoạt thể thao, văn hóa,...

Thứ ba, ngoài việc dạy kiến thức phổ thông cần phải tuyên truyền, giáo dục pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật, ý thức tôn trọng tài sản, tôn trọng quyền sở hữu của người khác.

Thứ tư, cần phải tăng cường mối liên hệ khăng khít giữa gia đình, nhà trường và xã hội để kịp thời phát hiện và có những biện pháp tác động phù hợp đối với những em có biểu hiện lười học, bỏ tiết, nghiện thuốc lá, nghiện rượu, nghiện ma túy, cờ bạc, chơi game, tụ tập nhóm không lành mạnh... Hạn chế thấp nhất việc áp dụng biện pháp xử lý là đuổi học, đình chỉ học đối với các em vi phạm nội quy nhà trường

3.3.1.5. Những giải pháp về mặt dân sự

- Đối với cơ quan Công an

Cơ quan Công an cần cải tiến và nâng cao hiệu quả hợp tác với quần chúng nhân dân trong việc tiếp nhận tin báo về tội phạm XPSH để có thể phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời. Bên cạnh đó cần phối hợp với các cơ quan, ban ngành đoàn thể trên địa bàn tỉnh để thực hiện công tác đạt hiệu quả.

Hướng dẫn, tuyên truyền đối với quần chúng nhân dân về phương thức, thủ đoạn hoạt động, địa bàn của các đối tượng để quần chúng nhân dân phòng ngừa, quản lý tài sản cá nhân trong đời sống sinh hoạt. Hướng dẫn, tuyên truyền quần chúng các quy định của pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của quần chúng với nhiều hình thức khác nhau đạt hiệu quả.

Thường xuyên thực hiện công tác như công tác tuần tra, kiểm soát nhất là thời gian ban đêm, các khu phòng trọ, nơi tập trung đông người, đoạn đường vắng ở các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tăng cường công tác điều tra xử lý các cửa hàng cầm đồ, cửa hàng mua bán điện thoại cũ. Đây chính là những nơi mà đối tượng chiếm đoạt tài sản tiêu thụ đối với một số loại tài sản có giá trị.

Nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chiến sĩ Công an nhân dân, trang bị các công cụ, phương tiện phục vụ cho việc ngăn chặn, điều tra các vụ việc có dấu hiệu tội phạm xâm phạm sở hữu.

- Đối với Viện kiểm sát nhân dân

Tích cực trong việc quản lý và xử lý tin báo bằng cách cung cấp các số điện thoại đường dây nóng, mở hòm thư tố giác. Tăng cường kiểm sát việc giải quyết tin báo về tội phạm, đảm bảo việc giải quyết tin báo về tội phạm kịp thời, đúng pháp luật.

Thực hiện tốt các quy chế phối hợp liên ngành với các cơ quan bảo vệ pháp luật. Phối hợp với cơ quan Công an, Tòa án và các cơ quan ban ngành giải quyết kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật các vụ án XPSH, tránh bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

- Đối với Tòa án nhân dân

Thực hiện xét xử công khai, nghiêm minh, xét xử những vụ XPSH. Chú ý công tác giáo dục và răn đe với những trường hợp chuẩn bị hoặc có ý định chuẩn bị phạm tội.

Tòa án nhân dân cấp tỉnh cần làm tốt công tác tổng kết thực tiễn xét xử các vụ án hình sự nói chung và các tội XPSH nói riêng.

Thông qua công tác xét xử Tòa án cần sớm phát hiện nguyên nhân, điều kiện phạm tội, những hiện tượng tiêu cực của xã hội, sơ hở của công tác quản lý nhà nước, các phương thức thủ đoạn phạm tội XPSH để thống kê nhằm mục đích phối hợp với các ngành chức năng khác trong phòng ngừa tội phạm XPSH.

3.3.1.6. Những giải pháp về pháp luật

Hệ thống pháp luật nước ta cơ bản đã hoàn thiện và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay. Tuy nhiên, để thực hiện đạt hiệu quả tốt hơn trong công tác phòng ngừa cần hoàn thiện hơn nữa các quy định pháp luật về tội phạm nói chung, các tội xâm phạm sở hữu nói riêng.

Bên cạnh hoàn thiện hệ thống pháp luật, cần đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến mọi tầng lớp nhân dân để nâng cao ý thức pháp

luật trong quần chúng nhân dân. Tuyên truyền phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong mọi tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, có trọng tâm, trọng điểm như chú trọng đến các địa bàn các khu công nghiệp, trường học, các địa bàn vùng sâu, vùng xa.

3.3.1.7. Những giải pháp tổ chức - quản lý

Đối với cơ quan trong bộ máy nhà nước cần phải được cơ cấu chặt chẽ, thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính. Từ đó tạo dựng được uy tín, niềm tin trong nhân dân nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm. Chính quyền cơ sở phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc tiếp nhận, quản lý, giúp đỡ người có tiền án, tiền sự để họ ổn định cuộc sống, tái hoà nhập cộng đồng trở thành người công dân tốt cho xã hội.

Đối với các cán bộ các cơ quan chuyên trách: Tăng cường và nâng cao cả về số lượng lẫn chất lượng, trình độ phẩm chất của cán bộ công chức, nhất là đội ngũ trực tiếp thực hiện công tác như điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán. Ngoài ra cần tạo ra hành lang pháp lý ổn định cho mọi người dân được tham gia tích cực vào hoạt động xã hội, hoạt động quản lý xã hội. Bên cạnh đó cần tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, quản lý địa bàn, kiểm tra nhân khẩu và tăng cường sự phối kết hợp giữa các cơ quan chính quyền, đoàn thể địa phương, kịp thời phát hiện những vi phạm, biểu hiện tiêu cực nhằm ngăn chặn, loại trừ các yếu tố làm phát sinh tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn.

3.3.2. Những giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác xuất tâm

Bên cạnh những biện pháp cơ bản để thực hiện khắc phục nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm, tức là “đẩy lùi tội phạm” thì chúng ta cần thực hiện các giải pháp nhằm “ngăn chặn tội phạm”. Theo các nhà khoa học Mác-Xít đã khái quát, ngăn chặn và loại trừ tội phạm chính là nội dung của phòng ngừa tội phạm, phòng ngừa tình hình tội phạm trong tội phạm học. Từ hai nội dung này, đề ra các biện pháp ngăn chặn và loại trừ tội phạm như sau:

3.3.2.1. Những giải pháp ngăn chặn tội phạm tiềm tàng

Là những biện pháp kiểm soát xã hội và quản lý xã hội đối với điều kiện tồn tại của hành vi phạm tội tiềm tàng, người phạm tội tiềm tàng và nạn nhân tiềm tàng của tội phạm nhằm làm tê liệt quá trình chuẩn bị và thực hiện tội phạm

Như vậy, trong những giải pháp ngăn chặn tội phạm tiềm tàng cần thực hiện:

a/ Tác động vào chủ thể tiềm tàng của các tội xâm phạm sở hữu

Để tác động vào chủ thể tiềm tàng của các tội xâm phạm sở hữu cần thực hiện các biện pháp quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp đặc biệt là của lực lượng Công an. Hoạt động của các phong trào trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm ngăn chặn không cho tội phạm xảy ra bao gồm:

Một là, tăng cường công tác quản lý hộ khẩu, rà soát các quy định về quản lý đăng ký hộ khẩu, khai báo tạm trú tạm vắng để cải cách thủ tục hành chính. Quản lý, kiểm tra nhân khẩu, hộ khẩu trên địa bàn, thường xuyên kiểm tra các khách sạn, nhà nghỉ theo đúng quy định của pháp luật. Tăng cường quản lý các đối tượng có tiền án tiền sự, các tệ nạn xã hội tại địa bàn quản lý.

Hai là, lực lượng công an cần nắm tình hình, bám sát địa bàn mình quản lý. Thường xuyên phối hợp với các cơ quan đoàn thể hướng dẫn, tuyên truyền quần chúng nhân dân về pháp luật. Phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh trật tự sâu rộng trong quần chúng. Các cấp chính quyền xây dựng và nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, các tội xâm phạm sở hữu nói riêng.

b/ Tác động vào nạn nhân tiềm tàng của các tội xâm phạm sở hữu

Thứ nhất, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao ý thức cảnh giác, ý thức bảo vệ tài sản của cá nhân, nâng cao ý thức cảnh giác, không trao tài sản cho người khác khi không có sự tin tưởng. Cá nhân cần nắm được các phương thức thủ đoạn thực hiện của các đối tượng có hành vi xâm phạm sở hữu.

Thứ hai, phải bố trí lực lượng tuần tra, canh gác, bảo vệ hoặc lắp camera giám sát ở những nơi có tài sản lớn hoặc ở nơi dân cư, cơ quan, công ty, doanh nghiệp.

Thứ ba, đối với các cơ quan, doanh nghiệp cần phải quán triệt tinh thần cảnh giác đến toàn bộ nhân viên đề phòng những đối tượng lạ mặt trà trộn vào cơ quan thực hiện hành vi phạm tội XPSH. Bố trí lực lượng bảo vệ đúng quy định.

Như vậy để ngăn chặn tội phạm tiềm tàng của các tội xâm phạm sở hữu, cần tác động vào nạn nhân tiềm tàng và tác động chủ thể tiềm tàng các tội xâm phạm sở hữu. Thực hiện các nội dung trên sẽ ngăn chặn có hiệu quả tình hình các tội xâm phạm sở hữu có thể xảy ra. Bên cạnh đó, để làm tê liệt quá trình chuẩn bị và thực hiện hành vi phạm tội cần thực hiện như: các cơ quan, đơn vị, chủ thể có thẩm quyền trong công tác phòng, chống tội phạm cần thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các khu vực trọng điểm trong thời gian thường xuyên xảy ra tội phạm XPSH. Quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ, các cơ sở sản xuất, chế tác các công cụ phương tiện mà bọn tội phạm có thể sử dụng để thực hiện hành vi phạm các tội XPSH.

3.3.2.2. Những giải pháp ngăn chặn tội phạm đang xảy ra

a/ Ngăn chặn tội phạm đang được thực hiện

Biện pháp này tác động vào hành vi phạm tội đang diễn ra không để gây thêm thiệt hại về người và tài sản:

Thứ nhất, Công an cơ sở phối hợp với các cơ quan, đoàn thể trên địa bàn thường xuyên tuần tra ở những nơi có khả năng xảy các vụ phạm tội XPSH, những nơi vắng vẻ, tập trung nhiều tài sản của cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân. Tuần tra kiểm soát vào thời gian thường xuyên xảy ra như ban đêm, những đoạn đường vắng.

Thứ hai, xây dựng các mô hình phòng, chống tội phạm, các tổ tự quản trong quần chúng nhân dân. Các tổ chức này sẽ là lực lượng trực tiếp tham gia ngăn ngừa khi đang có hành vi phạm tội xảy ra tại địa bàn.

Thứ ba, sử dụng các các phương tiện hỗ trợ công tác phòng ngừa như camera tại các ngõ, các tuyến đường phức tạp để kịp thời ngăn chặn tội phạm đang xảy ra.

b/ Ngăn chặn những trường hợp lặp đi lặp lại của hành vi phạm tội

Các biện pháp ngăn chặn đối với trường hợp này phải là phát hiện sớm, tố giác ngay, khởi tố và xử lý kịp thời. Chủ thể thực hiện những biện pháp này không chỉ là lực lượng chuyên trách mà phải có sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau:

- Cơ quan Công an cần nâng cao chất lượng công tác điều tra, kết hợp chặt chẽ hoạt động trinh sát và hoạt động điều tra nhằm không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đảm bảo kịp thời, nghiêm minh; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, khi phát hiện các đối tượng có biểu hiện nghi vấn đang tàng trữ vũ khí, công cụ để chuẩn bị gây án. Khi nhận được tin báo, các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải xem xét các căn cứ để khởi tố vụ án hình sự nếu có để khởi tố và xử lý kịp thời

- Các nạn nhân trong các vụ phạm tội XPSH tài sản: cần báo ngay với cơ quan Công an để điều tra, kịp thời ngăn chặn hành vi phạm tội XPSH diễn ra tiếp theo. Mỗi cá nhân, tổ chức cần có biện pháp tự bảo vệ tài sản không chỉ của mình mà còn của người khác.

3.3.2.3. Những giải pháp ngăn chặn tái phạm

Thứ nhất, giai đoạn phát hiện tội phạm: nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, điều tra các tội xâm phạm sở hữu, nâng cao hiệu quả công tác trinh sát và công tác tiếp nhận xử lý tin báo, tố giác tội phạm.

Thứ hai, giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử: đòi hỏi có sự tham gia nhiều chủ thể mà trực tiếp nhất là cơ quan tư pháp hình sự tác động trực tiếp đến người phạm tội, gia đình, bạn bè họ và những người tiếp nhận thông tin về hoạt động đó. Đặc biệt là trong giai đoạn xét xử, tòa án cần phải xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội và việc áp dụng hình phạt phải tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm.

Thứ ba, giai đoạn thi hành án: chính quyền địa phương có trách nhiệm cải tạo, giáo dục, đào tạo nghề cho người chấp hành hình phạt tù; chính quyền địa phương có trách nhiệm giám sát, giáo dục người chấp hành án treo... Các cơ quan này phải chủ động thực hiện các biện pháp giúp đối tượng phạm tội chuẩn bị tái hòa nhập ngay trong quá trình chấp hành án. Tiếp tục đổi mới công tác giáo dục dạy

nghề, tạo công ăn việc làm, học sinh để khi chấp hành xong hình phạt họ có thể làm những việc phù hợp, có thu nhập để nuôi sống bản thân.

Thứ tư, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương: Ủy ban nhân dân các cấp, đặc biệt là cấp xã, phường cần tăng cường công tác tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong hình phạt trở về địa phương với các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và công tác phòng, chống tội phạm; tổ chức thực hiện và chỉ đạo công tác tiếp nhận, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù trở về tái hòa nhập cộng đồng; bên cạnh đó cần giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; vận động và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp; Mặt trận Tổ quốc các cấp và các cơ quan tổ chức thành viên xây dựng chương trình hành động vận động các đoàn thể phối hợp các ngành cùng cấp duy trì hoạt động cảm hóa, giáo dục, giúp đỡ người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội; Tổ chức hướng dẫn việc dạy nghề, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, giúp người chấp hành xong án phạt tù ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng để từ đó giúp họ trở thành những công dân tốt cho xã hội.

Kết luận chương 3

Trong Chương 3, tác giả đã trình bày việc tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, từ những nguyên nhân và điều kiện đó mà đưa ra dự báo về tình hình các tội xâm phạm sở hữu. Qua đó, tác giả đề ra những giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện và giải pháp khắc phục hậu quả của tình hình các tội xâm phạm sở hữu. Đồng thời, cũng đưa ra một số giải pháp phòng ngừa tình hình tội phạm trong thời gian tới.

Qua kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có thể phòng ngừa được. Việc phòng ngừa cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: giải pháp về chính trị, giải pháp về kinh tế, giải pháp về văn hóa – giáo dục... và biện pháp đẩy lùi tội phạm, ngăn chặn tội phạm. Phòng ngừa

tiến tới loại trừ tình hình tội phạm nói chung, tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nói riêng không là nhiệm vụ của riêng cá nhân, tổ chức nào mà nó đòi hỏi sự chung tay của toàn xã hội.

KẾT LUẬN

Tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017 diễn biến phức tạp, có xu hướng giảm vào những năm gần đây. Tuy nhiên, số vụ các tội xâm phạm sở hữu vẫn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số vụ án xảy ra trên địa bàn tỉnh. Hậu quả của tình hình tội phạm nói chung, tình hình các tội xâm phạm sở hữu nói riêng là rất nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an ninh trật tự và sự phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Người phạm tội xâm phạm sở hữu có độ tuổi từ 18 đến 45 tuổi, trình độ văn hóa thấp, không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định, nhận thức pháp luật còn hạn chế, coi thường cái giá trị đạo đức và nhu cầu sai lệch về tài sản. Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm là sự tác động qua lại giữa yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống như: môi trường gia đình, môi trường nhà trường, môi trường xã hội với yếu tố thuộc tâm, sinh lý cá nhân người phạm tội. Trong luận văn, tác giả đã đi phân tích cụ thể các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống tác động đến cá nhân hình thành yếu tố tiêu cực thuộc chủ thể hành vi phạm tội. Bên cạnh đó, yếu tố nạn nhân cũng là một trong những nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu.

Từ thực trạng những nguyên nhân điều và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trên các cơ sở dự báo đề ra dự báo tình hình các tội xâm phạm sở hữu trong thời gian tới. Bên cạnh đó, tác giả đưa ra những biện pháp giải quyết nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu và phòng ngừa tình hình các tội xâm phạm sở hữu một cách hiệu quả. Các giải pháp chủ yếu hướng vào đẩy lùi và ngăn chặn tình hình tội phạm bằng việc tác động để lành mạnh hóa các môi trường gia đình, nhà trường và xã hội để hạn chế những yếu tố tiêu cực là nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm. Để ngăn chặn và đẩy lùi tình hình tội phạm và loại trừ các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu ra khỏi đời sống xã hội cần sự kết hợp của

nhều lực lượng chuyên trách như Công an, Tòa án, Viện kiểm sát, chính quyền địa phương và gia đình, nhà trường, xã hội và chính bản thân mỗi cá nhân.

Luận văn đã được tác giả nghiên cứu một cách nghiêm túc trên cơ sở lý luận của tội phạm học, kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn từ quá trình học tập cũng như làm việc. Xin chân thành cảm ơn Thầy PGS,TS. Phạm Văn Tinh cùng các Thầy Cô, các nhà khoa học đã tận tâm trong việc hướng dẫn, chỉ bảo, theo sát tác giả trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Tuy nhiên với khả năng và kinh nghiệm nghiên cứu của bản thân còn hạn chế nên quá trình thực hiện và hoàn thành luận văn không tránh khỏi những khiếm khuyết, hạn chế nhất định. Kính mong nhận được sự góp ý của các nhà khoa học, quý thầy cô, bạn bè để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới*
2. Bộ Chính trị (2015), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2015 Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*
3. Lê Cẩm (2001), *Nhân thân người phạm tội – Một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án, (số 10), tr. 7-11
4. Nguyễn Văn Cảnh – Phạm Văn Tinh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Học viện Cảnh sát nhân dân
5. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/CP ngày 31/7/1998 về “Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”*
6. Chính phủ (2011), *Nghị quyết số 80/2011/NĐ-CP qui định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù*
7. Công an tỉnh Đồng Nai (2013-2017), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*
8. Công an tỉnh Đồng Nai – Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (2013-2017), *Thống kê nhân khẩu năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*
9. Cục thống kê tỉnh Đồng Nai (2017), *Niên giám thống kê năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*
10. Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (2017), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần X nhiệm kỳ 2015 – 2020*, Đồng Nai
11. Nguyễn Minh Đức (2014), *Đặc điểm tội phạm học do người chưa thành niên thực hiện và giải pháp phòng ngừa chung*, Tạp chí cảnh sát nhân dân, (số 5), tr. 6-8.
12. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), *Phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học*, Tạp chí luật học, (số 06), tr. 9-11
13. Học viện cảnh sát nhân dân (2005), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội

14. Hội đồng Trung ương (2013), *Giáo trình triết học Mác – Lê nin*, Nxb Chính trị - hành chính, Hà Nội
15. Quốc hội (2003), *Bộ luật tổ tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội
16. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1999 (Sửa đổi, bổ sung 2009)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
17. Quốc hội (2013), *Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
18. Lê Nguyên Thanh (2007), *Vấn đề đánh giá hiệu quả phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí khoa học pháp luật, (số 1), tr. 1-5
19. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị*
20. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 267/2011/QĐ-TTg ngày 22/02/2011 về phê duyệt Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011 -2015.*
21. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 2361/2015/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 về phê duyệt Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2015 - 2020*
22. Phạm Văn Tinh (2015), *Bài giảng tội phạm học*, Học viện Khoa học xã hội
23. Phạm Văn Tinh (1996), *Cơ chế hành vi phạm tội, cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Kiểm sát, (số 1), tr. 18-21 và tr. 29-32
24. Phạm Văn Tinh (2000), *Các phương pháp nghiên cứu tình hình tội phạm một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
25. Phạm Văn Tinh, Đào Bá Sơn (2010), *Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
26. Phạm Văn Tinh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội

27. Phạm Văn Tinh (2007), *Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ tội phạm học*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 6), tr. 73 - 79.
28. Phạm Văn Tinh (2011), *Khoa học pháp lý Việt Nam và yêu cầu nâng cao trình độ lý luận theo tinh thần Nghị quyết XI của Đảng*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 8), tr. 1-11
29. Phạm Văn Tinh (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay – mô hình lý luận*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 6), tr. 79-84
30. Phạm Văn Tinh (2011), *Phòng ngừa tội phạm và vấn đề bảo vệ quyền con người – Một nghiên cứu liên ngành tội phạm học và nhân quyền học*, Tạp chí Cảnh sát Nhân dân, (số 7), tr 7 – 14
31. Phạm Văn Tinh (2014), *Phòng ngừa tội phạm và chiến lược phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 3), tr. 25-27
32. Phạm Văn Tinh (2010), *Quyền con người – Bản chất và cách tiếp cận khoa học pháp lý* – Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 12), tr. 60-65
33. Phạm Văn Tinh (2012), *Tài liệu giảng dạy môn tội phạm học*, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội
34. Phạm Văn Tinh (1994), *Tình trạng người phạm tội ở nước ta hiện nay và vấn đề tuyên truyền, giáo dục pháp luật*, Tạp chí Công an nhân dân, (số 10), tr. 56-58
35. Phạm Văn Tinh (2009), *Tội phạm và phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 4), tr 57- 64
36. Phạm Văn Tinh (2014), *Tội phạm học Việt Nam – Một số chuyên đề đại cương cơ bản*, Tập bài giảng khoa Luật, Học viện Khoa học xã hội
37. Phạm Văn Tinh (2007), *Vấn đề định nghĩa khái niệm tội phạm và nhu cầu nâng cao trình độ tội phạm học ở nước ta*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 12), tr. 69-73
38. Phạm Văn Tinh (2004), *Xác định rõ đặc điểm chuyên biệt của tình hình tội phạm do từng loại người phạm tội gây ra là một phương pháp khả thi và hữu*

- hiệu trong việc nghiên cứu và đánh giá tình hình tội phạm*, Tạp chí Kiểm sát, (số 9), tr. 21-24
39. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (2013-2017), *Bản án của các vụ án xâm phạm sở hữu giai đoạn 2013-2017*
40. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (2013-2017), *Báo cáo công tác tổng kết năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017.*
41. Trần Hữu Tráng (2010), *Bàn về nguyên nhân tội phạm học*, Tạp chí Luật học, (số 11), tr. 43-51
42. Trần Hữu Tráng (2010), *Nạn nhân của tội phạm*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội
43. Trần Hữu Tráng (2011), *Nguyên cơ trở thành nạn nhân của tội phạm*, Tạp chí Luật học, (số 10), tr. 55-63
44. Trường đại học luật Hà Nội (2005), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
45. Trường đại học luật Hà Nội (2005), *Giáo trình luật TTHS Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội
46. Trường đại học luật Hà Nội (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
47. Đào Trí Úc (1994), *Tội phạm học, Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
48. Đào Trí Úc (2000), *Tội phạm học Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
49. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
50. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2013 - 2017), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Đồng Nai năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*
51. Trịnh Tiến Việt (2008), *Khái niệm phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tội phạm học*, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, (số 9), tr. 45-47

52. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai năm (2013-2017), *Báo cáo công tác tổng kết năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*
53. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
54. Võ Khánh Vinh (2002), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
55. Võ Khánh Vinh (2006), *Dự báo tình hình tội phạm, Một số vấn đề lý luận – thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
56. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Trường Đại học Huế, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
57. Võ Khánh Vinh (2009), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
58. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội
59. Võ Khánh Vinh (2014), *Quyền con người*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội
60. Nguyễn Xuân Yêm (2013), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội

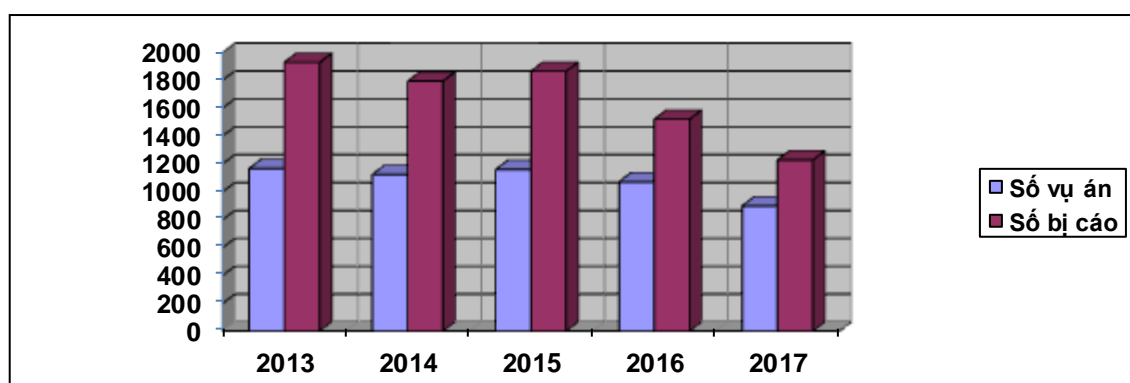
PHỤ LỤC

Bảng 2.1. Mức độ tổng quan của tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (2013 – 2017)

| Năm | Tình hình tội phạm | | Tình hình các tội XPSH | | Tỷ lệ % | |
|-------------|--------------------|---------------|------------------------|--------------|--------------|--------------|
| | Số vụ án | Số bị cáo | Số vụ án | Số bị cáo | Số vụ án | Số bị cáo |
| 2013 | 3.147 | 5.411 | 1.166 | 1.927 | 37,05 | 35,61 |
| 2014 | 3.108 | 5.498 | 1.123 | 1.792 | 36,13 | 32,60 |
| 2015 | 2.938 | 5.412 | 1.158 | 1.863 | 39,41 | 34,42 |
| 2016 | 3.122 | 5.395 | 1.070 | 1.519 | 34,27 | 28,16 |
| 2017 | 3.001 | 5.212 | 898 | 1.227 | 29,92 | 23,54 |
| Tổng | 15.316 | 29.928 | 5.415 | 8.328 | 35,36 | 27,83 |

Nguồn: Số liệu thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai

Bảng 2.2. Biểu đồ diễn biến tình hình các tội XPSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (2013-2017)



Nguồn: Số liệu thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai

Bảng 2.3. Cơ số tội phạm nói chung và tội XPSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (2013 – 2017)

| Năm | Tổng số bị cáo đã xét xử | Tổng số bị cáo phạm tội XPSH | Dân số trung bình (triệu người) | Cơ số tội phạm chung | Cơ số tội XPSH |
|-------------------|---------------------------------|-------------------------------------|--|-----------------------------|-----------------------|
| 2013 | 5.411 | 1.927 | 2.772,7 | 195,15 | 69,50 |
| 2014 | 5.498 | 1.792 | 2.838,6 | 193,69 | 63,13 |
| 2015 | 5.412 | 1.863 | 2.910,0 | 185,98 | 64,02 |
| 2016 | 5.395 | 1.519 | 3.015,6 | 178,90 | 50,37 |
| 2017 | 5.212 | 1.227 | 3.300,4 | 157,92 | 37,18 |
| Tổng | 26.928 | 8.328 | 14.837,3 | 911,64 | 284,2 |
| Trung bình | 5.386 | 1.666 | 2.967,5 | 182,33 | 56,84 |

Nguồn: Số liệu thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai

Bảng 2.4. Cơ cấu của từng loại tội XPSH trong mối quan hệ với tội XPSH trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (2013 – 2017)

| Tội danh | Số vụ án | | | | | | Tỷ lệ % |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|-------|---------|
| | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Tổng | |
| Điều 133 | 83 | 74 | 88 | 59 | 44 | 348 | 6,43 |
| Điều 134 | 3 | 3 | 4 | 2 | 4 | 16 | 0,29 |
| Điều 135 | 36 | 29 | 26 | 19 | 21 | 131 | 2,42 |
| Điều 136 | 74 | 67 | 64 | 75 | 74 | 354 | 6,54 |
| Điều 137 | 0 | 14 | 3 | 1 | 3 | 21 | 0,39 |
| Điều 138 | 729 | 705 | 775 | 705 | 609 | 3.523 | 65,06 |
| Điều 139 | 131 | 118 | 112 | 120 | 80 | 561 | 10,36 |
| Điều 140 | 64 | 63 | 60 | 52 | 30 | 269 | 4,97 |
| Điều 141 | 1 | 3 | 2 | 0 | 1 | 7 | 0,13 |
| Điều 142 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Điều 143 | 44 | 46 | 24 | 37 | 32 | 183 | 3,38 |
| Điều 144 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Điều 145 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0,04 |
| Tổng | 1166 | 1123 | 1158 | 1070 | 898 | 5.415 | 100 |

Nguồn : Số liệu thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai

Bảng 2.5. Diễn biến tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (2013-2017) (so sánh định gốc)

| Năm | Số vụ | Số bị cáo | Phần trăm số vụ(%) | Phần trăm số bị cáo(%) |
|------------------|--------------|--------------|--------------------|------------------------|
| 2013 | 1166 | 1.927 | 100 | 100 |
| 2014 | 1123 | 1.792 | 96,31 | 92,99 |
| 2015 | 1158 | 1.863 | 99,31 | 96,67 |
| 2016 | 1070 | 1.519 | 91,74 | 78,82 |
| 2017 | 898 | 1.227 | 77,01 | 63,67 |
| Giai đoạn 03 năm | Số vụ | Số bị cáo | Phần trăm số vụ(%) | Phần trăm số bị cáo(%) |
| 2013-2015 | 3.447 | 5.582 | 100 | 100 |
| 2015-2017 | 2.226 | 4.609 | 64,57 | 82,56 |

Nguồn : Số liệu thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến 2017

Bảng 2.6. Cơ cấu về mức độ của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phân theo dân cư 11 đơn vị hành chính cấp huyện

| STT | Nơi cư trú | Dân số (nghìn người) | Tổng số bị cáo (2013-2017) | Số dân/ 1 bị cáo |
|---------------------------|------------------------|----------------------|----------------------------|------------------|
| 01 | TP.Biên Hòa | 1189000 | 2768 | 429,4 |
| 02 | TX.Long Khánh | 240000 | 427 | 562,0 |
| 03 | Huyện Tân Phú | 165000 | 329 | 501,5 |
| 04 | Huyện Định Quán | 207324 | 572 | 362,4 |
| 05 | Huyện Cẩm Mỹ | 155000 | 336 | 461,3 |
| 06 | Huyện Thống Nhất | 162900 | 309 | 527,1 |
| 07 | Huyện Trảng Bom | 375729 | 818 | 459,3 |
| 08 | Huyện Xuân Lộc | 226120 | 639 | 353,8 |
| 09 | Huyện Long Thành | 240000 | 720 | 333,3 |
| 10 | Huyện Nhơn Trạch | 200000 | 763 | 262,1 |
| 11 | Huyện Vĩnh Cửu | 139952 | 317 | 441,4 |
| 12 | Tòa án cấp tỉnh xét xử | | 330 | |
| Toàn tỉnh Đồng Nai | | 3301025 | 8328 | 396,3 |

Nguồn : Số liệu thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013-2017 và Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai

Bảng 2.7. Cơ cấu về mức độ của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phân theo diện tích 11 đơn vị hành chính cấp huyện

| STT | Nơi cư trú | Diện tích (km²) | Tổng số bị cáo (2013-2017) | Số bị cáo/1km² |
|---------------------------|-------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| 01 | TP.Biên Hòa | 277,58 | 2768 | 9,971 |
| 02 | TX.Long Khánh | 197,2 | 427 | 2,165 |
| 03 | Huyện Tân Phú | 774 | 329 | 0,425 |
| 04 | Huyện Định Quán | 966,5 | 572 | 0,591 |
| 05 | Huyện Cẩm Mỹ | 467,95 | 336 | 0,718 |
| 06 | Huyện Thống Nhất | 247,19 | 309 | 1,250 |
| 07 | Huyện Trảng Bom | 326,11 | 818 | 2,508 |
| 08 | Huyện Xuân Lộc | 725,84 | 639 | 0,880 |
| 09 | Huyện Long Thành | 431,01 | 720 | 1,670 |
| 10 | Huyện Nhơn Trạch | 401,8 | 763 | 1,898 |
| 11 | Huyện Vĩnh Cửu | 1092,01 | 317 | 0,290 |
| 12 | Tòa án cấp tỉnh | | 330 | |
| Toàn tỉnh Đồng Nai | | 5907,27 | 8328 | 1,409 |

Nguồn : Số liệu thống kê của TAND tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013-2017 và Cục thống kê tỉnh Đồng Nai

Bảng 2.8. Cấp độ nguy hiểm của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013 – 2017 xét theo dân số và diện tích của 11 đơn vị hành chính cấp huyện

| STT | Nơi cư trú (A) | Thứ bậc đã xét theo số dân và diện tích (B) | Hệ số tiêu cực (C) | Cấp độ nguy hiểm (D) |
|-----|-------------------|--|-----------------------|----------------------------|
| 01 | TP.Biên Hòa | 5+1 | 6 | 2 |
| 02 | TX.Long Khánh | 11+3 | 14 | 7 |
| 03 | Huyện Tân Phú | 9+10 | 19 | 10 |
| 04 | Huyện Định Quán | 4+9 | 13 | 6 |
| 05 | Huyện Cẩm Mỹ | 8+8 | 16 | 8 |
| 06 | Huyện Thống Nhất | 10+6 | 16 | 8 |
| 07 | Huyện Trảng Bom | 7+2 | 9 | 4 |
| 08 | Huyện Xuân Lộc | 3+7 | 10 | 5 |
| 09 | Huyện Long Thành | 2+5 | 7 | 3 |
| 10 | Huyện Nhơn Trạch | 1+4 | 5 | 1 |
| 11 | Huyện Vĩnh Cửu | 6+11 | 17 | 9 |

Bảng 2.9. Cơ cấu xét theo các bước thực hiện hành vi phạm tội

| Các bước | Số vụ | Số bị cáo | Tỷ lệ % | |
|-------------|------------|------------|------------|------------|
| | | | Số vụ | Số bị cáo |
| Một bước | 5 | 9 | 5 | 5,35 |
| Hai bước | 73 | 119 | 73 | 70,83 |
| Ba bước | 22 | 40 | 22 | 23,82 |
| Tổng | 100 | 168 | 100 | 100 |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.10. Cơ cấu xét theo công cụ gây án

| Tội danh thực hiện | Công cụ gây án | Số vụ | Số bị cáo | Tỷ lệ % | |
|-------------------------------|--|------------|------------|------------|------------|
| | | | | Số vụ | Số bị cáo |
| Trộm cắp tài sản | Các loại mẫ chìa khoá, vạm phá khoá, tuốt nơ vít, dụng cụ tự chế | 33 | 60 | 33 | 35,71 |
| | Kìm cộng lực | 4 | 5 | 4 | 2,97 |
| | Các loại vật cứng khác | 25 | 40 | 25 | 23,81 |
| | Không dùng công cụ | 4 | 10 | 4 | 5,95 |
| Cướp, cướp giết ts | Dao, kiếm, mã tấu, búa, chai lọ | 20 | 40 | 20 | 23,81 |
| Tội danh xâm phạm sở hữu khác | Các loại công cụ khác để phạm tội | 14 | 13 | 14 | 7,75 |
| Tổng | | 100 | 168 | 100 | 100 |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.11. Cơ cấu xét theo thời gian gây án

| Thời gian | Số vụ | Tỷ lệ % |
|---------------------|------------|------------|
| Sau 00 giờ - 06 giờ | 36 | 36 |
| Sau 06 giờ - 12 giờ | 8 | 8 |
| Sau 12 giờ - 18 giờ | 30 | 30 |
| Sau 18 giờ - 00 giờ | 26 | 26 |
| Tổng | 100 | 100 |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.12. Cơ cấu xét theo địa điểm thực hiện hành vi phạm tội

| Địa điểm | Số vụ | Tỷ lệ % |
|----------------------|------------|------------|
| Tại nhà bị hại | 54 | 54 |
| Tại nhà bị cáo | 6 | 6 |
| Tại nhà người quen | 4 | 4 |
| Trên đoạn đường vắng | 28 | 28 |
| Nơi khác | 8 | 8 |
| Tổng | 100 | 100 |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.13. Cơ cấu xét theo phương tiện gây án

| Phương tiện gây án | Số vụ | Tỷ lệ % |
|---------------------------|------------|------------|
| Xe mô tô, xe gắn máy | 42 | 42 |
| Đi bộ đột nhập | 35 | 35 |
| Phương tiện công nghệ cao | 8 | 8 |
| Phương tiện gây án khác | 15 | 15 |
| Tổng | 100 | 100 |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.14. Cơ cấu xét theo chế tài áp dụng

| Hình phạt | Số bị cáo | Tỷ lệ % |
|---------------------------------|------------|------------|
| Phạt tiền | 9 | 5,35 |
| Án treo, cải tạo không giam giữ | 30 | 17,86 |
| Dưới 03 năm tù | 103 | 61,31 |
| Từ 03 năm đến dưới 07 năm tù | 19 | 11,31 |
| Từ 07 năm đến dưới 15 năm tù | 7 | 4,17 |
| Chung thân, tử hình | 00 | 00 |
| Tổng | 168 | 100 |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.15. Cơ cấu theo độ tuổi của bị cáo

| Độ tuổi | Số bị cáo | Tỷ lệ |
|--------------------------------|------------------|--------------|
| Từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi | 29 | 17,26 |
| Từ đủ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi | 99 | 58,93 |
| Từ đủ 30 tuổi đến dưới 45 tuổi | 25 | 14,88 |
| Từ đủ 45 tuổi đến 60 tuổi | 13 | 7,74 |
| Trên 60 tuổi | 2 | 1,19 |
| Tổng số | 168 | 100 |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.16. Cơ cấu xét theo giới tính của bị cáo

| Đặc điểm | Giới tính | |
|-----------------|------------------|-----------|
| | Nam | Nữ |
| Số bị cáo | 139 | 29 |
| Tỷ lệ % | 82,74 | 17,26 |
| Tổng số | 168=100% | |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.17. Cơ cấu xét theo hình thức cư trú

| Tiêu chí | Mô tả tiêu chí | Số bị cáo | Tỷ lệ (%) |
|-------------------|-----------------------|------------------|------------------|
| Nơi cư trú | Thường trú | 39 | 23,21 |
| | Tạm trú | 118 | 70,24 |
| | Sống lang thang | 11 | 6,65 |
| | Tổng số | 168 | 100 |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.18. Cơ cấu xét theo tôn giáo, tín ngưỡng

| Đặc điểm | Tôn giáo | |
|----------------|-----------------|-------|
| | Có tôn giáo | Không |
| Số bị cáo | 39 | 129 |
| Tỷ lệ % | 23,21 | 76,79 |
| Tổng số | 168=100% | |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.19. Cơ cấu xét theo trình độ văn hóa của bị cáo

| Trình độ văn hóa | Số bị cáo | Tỷ lệ (%) |
|------------------------------|------------|------------|
| Mù chữ | 11 | 6,55 |
| Tiểu học | 59 | 35,12 |
| Trung học cơ sở | 67 | 39,89 |
| Trung học phổ thông | 23 | 13,70 |
| Trung cấp, cao đẳng, đại học | 8 | 4,74 |
| Sau đại học | 00 | 00 |
| Tổng số | 168 | 100 |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.20. Cơ cấu xét theo nghề nghiệp của bị cáo

| Nghề nghiệp | Số bị cáo | Tỷ lệ (%) |
|---------------------------|------------|------------|
| Không có nghề nghiệp | 62 | 34,83 |
| Nghề nghiệp không ổn định | 102 | 60,11 |
| Nghề nghiệp ổn định | 04 | 5,06 |
| Tổng số | 168 | 100 |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.21. Cơ cấu xét theo hoàn cảnh gia đình của bị cáo

| Tiêu chí | Mô tả tiêu chí | Số bị cáo | Tỷ lệ (%) |
|--------------------|---|------------|------------|
| Hoàn cảnh gia đình | Gia đình hoàn thiện (1) | 51 | 30,36 |
| | Gia đình không hoàn thiện (2) | 117 | 69,64 |
| | Kinh tế gia đình thuận lợi (3) | 21 | 12,5 |
| | Kinh tế gia đình không thuận lợi (4) | 147 | 87,5 |
| | Tổng số (1) + (2) hoặc (3) + (4) | 168 | 100 |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.22. Cơ cấu xét theo tình trạng hôn nhân

| Tiêu chí | Mô tả tiêu chí | Số bị cáo | Tỷ lệ (%) |
|---------------------|----------------|------------|------------|
| Tình trạng hôn nhân | Đã kết hôn | 54 | 32,14 |
| | Chưa kết hôn | 114 | 67,86 |
| | Tổng số | 168 | 100 |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.23. Cơ cấu xét theo đặc điểm tiền án, tiền sự

| Tiêu chí | Mô tả tiêu chí | Số bị cáo | Tỷ lệ (%) |
|------------------|------------------|------------|------------|
| Tiền án, tiền sự | Phạm tội lần đầu | 112 | 66,66 |
| | Tiền án, tiền sự | 56 | 33,34 |
| | Tổng số | 168 | 100 |

Nguồn: 100 bản án hình sự sơ thẩm về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2013 đến năm 2017